

Hệ thống tổ chức của Đảng Cộng Sản Việt Nam và hệ thống tổ chức các cơ quan lưu trữ Đảng



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1:	3
1. HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	4
1.1. Nguyên tắc tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam	4
1.2. Hệ thống tổ chức của Đảng	5
1.2.1. Tổ chức bộ máy của Đảng cấp Trung ương	5
1.2.1.1. Cơ quan lãnh đạo của Đảng.....	5
1.2.1.2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành Trung ương.....	6
1.2.1.3. Các tổ chức đảng trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương.....	6
SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG Ở CẤP TRUNG ƯƠNG	7
1.2.2. Tổ chức bộ máy của Đảng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	7
1.2.2.1. Cơ quan lãnh đạo của Đảng.....	7
1.2.2.2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy.....	8
1.2.2.3. Các tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.....	8
SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG Ở CẤP TỈNH	9
1.2.3. Tổ chức bộ máy của Đảng cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là cấp huyện)	9
1.2.3.1. Cơ quan lãnh đạo của Đảng.....	9
1.2.3.2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy.....	10
1.2.3.3. Các tổ chức đảng trực thuộc huyện ủy.....	10
SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG Ở CẤP HUYỆN	10
2.4. Tổ chức cơ sở đảng	11
2.4.1. Cơ quan lãnh đạo của Đảng cấp cơ sở.....	11
2.4.2. Các ban của đảng ủy.....	12
2.4.3. Các chi bộ trực thuộc đảng ủy.....	12
2. HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÁC CƠ QUAN LƯU TRỮ ĐẢNG	13
2.1. Hệ thống tổ chức	13
2.2. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và biên chế các cơ quan lưu trữ Đảng	13
2.2.1. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng	13
2.2.1.1. Chức năng.....	13
2.2.1.2. Nhiệm vụ.....	13
2.2.1.3. Tổ chức gồm 5 phòng:.....	14
2.2.1.4. Biên chế.....	14
2.2.2. Kho lưu trữ tỉnh, thành ủy (gọi chung là kho lưu trữ tỉnh ủy)	14
2.2.2.1. Vị trí.....	14
2.2.2.2. Chức năng.....	14
2.2.2.4. Phạm vi quản lý tài liệu.....	15
2.2.2.5. Tổ chức, biên chế.....	15
2.2.3. Kho lưu trữ huyện, quận, thị, thành phố trực thuộc tỉnh, thành ủy (gọi chung là kho lưu trữ huyện ủy)	15
2.2.3.1. Vị trí.....	15
2.2.3.2. Chức năng.....	15
2.2.3.3. Nhiệm vụ.....	16
2.2.3.4. Phạm vi quản lý tài liệu.....	16
2.2.3.5. Biên chế.....	16
Phụ lục số 01	16
SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG	17
CHƯƠNG 2:	17
1. Hệ thống tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	18
1.1. Nguyên tắc tổ chức	18
1.2. Hệ thống tổ chức	18

1.2.1. Tổ chức bộ máy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp Trung ương	18
1.2.2. Tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh	19
1.2.3. Tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện	20
1.2.4. Tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã	21
2. Hệ thống tổ chức của Công đoàn	22
2.1. Nguyên tắc tổ chức	22
2.2. Hệ thống tổ chức	23
2.2.1. Tổ chức bộ máy của Công đoàn cấp Trung ương	23
2.2.2. Tổ chức bộ máy của Công đoàn cấp tỉnh.....	25
2.2.3. Tổ chức bộ máy của Công đoàn cấp trên cơ sở.....	26
2.2.4. Tổ chức bộ máy của Công đoàn cấp cơ sở	27
3. Hệ thống tổ chức của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	27
3.1. Nguyên tắc tổ chức	27
3.2. Hệ thống tổ chức	28
3.2.1. Tổ chức bộ máy của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp Trung ương	28
3.2.2. Tổ chức bộ máy của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp tỉnh.....	31
3.2.3. Tổ chức bộ máy của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp huyện.....	31
3.2.4. Tổ chức Đoàn cơ sở.....	32
4. Hệ thống tổ chức của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam	32
4.1. Nguyên tắc tổ chức	32
4.2. Hệ thống tổ chức	33
4.2.1. Tổ chức bộ máy của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cấp Trung ương.....	33
4.2.2. Tổ chức bộ máy của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cấp tỉnh	34
4.2.3. Tổ chức bộ máy của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cấp huyện.....	35
4.2.4. Tổ chức bộ máy Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cấp cơ sở.....	36
5. Hệ thống tổ chức của Hội Nông dân Việt Nam	36
5.1. Nguyên tắc tổ chức	36
5.2. Hệ thống tổ chức	36
5.2.1. Tổ chức bộ máy của Hội Nông dân cấp Trung ương	36
5.2.2. Tổ chức bộ máy của Hội Nông dân cấp tỉnh.....	38
5.3. Tổ chức bộ máy Hội Nông dân cấp huyện.....	40
5.2.4. Tổ chức bộ máy của Hội Nông dân cấp cơ sở.....	41
6. Hệ thống tổ chức Hội Cựu Chiến binh Việt nam	42
6.1. Nguyên tắc tổ chức	42
6.2. Hệ thống tổ chức	42
6.2.1. Tổ chức bộ máy của Hội Cựu Chiến binh cấp Trung ương	43
6.2.2. Tổ chức bộ máy của Hội Cựu Chiến binh cấp tỉnh.....	44
6.2.3. Tổ chức bộ máy của Hội Cựu Chiến binh cấp huyện	45
6.2.4. Tổ chức cơ sở Hội.....	46

CHƯƠNG 1:

HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÁC CƠ QUAN LƯU TRỮ ĐẢNG

1. HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1.1. Nguyên tắc tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam qui định: Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Nội dung của nguyên tắc đó là:

- Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

- Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).

- Cấp ủy các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

- Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

- Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp ủy có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

- Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Điều 9 Điều lệ ĐCSVN - NXB Chính trị Quốc gia xuất bản năm 2006 (trang 16, 17).

1.2. Hệ thống tổ chức của Đảng

Hệ thống tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam là tổng thể các cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng được thành lập và hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng nhằm thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị.

Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước.

Các tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam được thành lập theo qui định tại chương VI của Điều lệ Đảng. Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo qui định của Bộ Chính trị.

(Sơ đồ hệ thống tổ chức của Đảng - Phụ lục số 1)

1.2.1. Tổ chức bộ máy của Đảng cấp Trung ương

1.2.1.1. Cơ quan lãnh đạo của Đảng

** Đại hội đại biểu toàn quốc*

Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng; Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập thường lệ 5 năm một lần; có thể triệu tập sớm hơn hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm. Khi Ban Chấp hành Trung ương xét thấy cần hoặc khi có hơn một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu thì Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường.

Đại hội có nhiệm vụ đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của nhiệm kỳ vừa qua; quyết định đường lối, chính sách của Đảng nhiệm kỳ tới; bầu Ban Chấp hành Trung ương; bổ sung, sửa đổi Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng khi cần.

** Ban Chấp hành Trung ương*

Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan lãnh đạo của Đảng giữa hai kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ 6 tháng một lần, họp bất thường khi cần.

Ban Chấp hành Trung ương có nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các Nghị quyết của Đại hội; quyết định những chủ trương, chính sách về đối nội, đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng đảng; chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhiệm kỳ tiếp theo, Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường (nếu có).

Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị; bầu Tổng Bí thư trong số ủy viên Bộ Chính trị; bầu ủy ban Kiểm tra Trung ương; bầu Chủ nhiệm ủy ban Kiểm

tra Trung ương trong số ủy viên ủy ban Kiểm tra Trung ương và quyết định số lượng ủy viên Bộ Chính trị và số lượng ủy viên ủy ban Kiểm tra Trung ương.

** Bộ Chính trị*

Bộ Chính trị là cơ quan lãnh đạo Đảng do Ban Chấp hành Trung ương bầu. Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.

Bộ Chính trị quyết định những vấn đề về chủ trương, chính sách, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương; báo cáo công việc đã làm trước hội nghị Ban Chấp hành Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương.

** Ban Bí thư*

Ban Bí thư Trung ương lãnh đạo công việc hàng ngày của Đảng, chỉ đạo công tác xây dựng đảng và công tác quần chúng; kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Đảng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, chỉ đạo sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; quyết định một số vấn đề về tổ chức, cán bộ và một số vấn đề khác theo sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo hoặc kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

1.2.1.2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành Trung ương

Các ban tham mưu giúp việc và Văn phòng Trung ương, các cơ quan Đảng ở Trung ương do Bộ chính trị ra quyết định thành lập hoặc giải thể; riêng ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương bầu.

Hiện nay các cơ quan tham mưu của Trung ương Đảng được tổ chức thành 6 cơ quan: Ban Tuyên giáo TW, Ban Tổ chức TW, Ủy ban Kiểm tra TW, Ban Dân vận TW, Ban Đối ngoại TW, Văn phòng TW và 4 đơn vị sự nghiệp của Đảng là Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Báo Nhân dân, Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

1.2.1.3. Các tổ chức đảng trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương

** Các đảng ủy trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương*

- Các đảng ủy trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương bao gồm: Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Khối các cơ quan TW và Đảng ủy Khối doanh nghiệp TW.

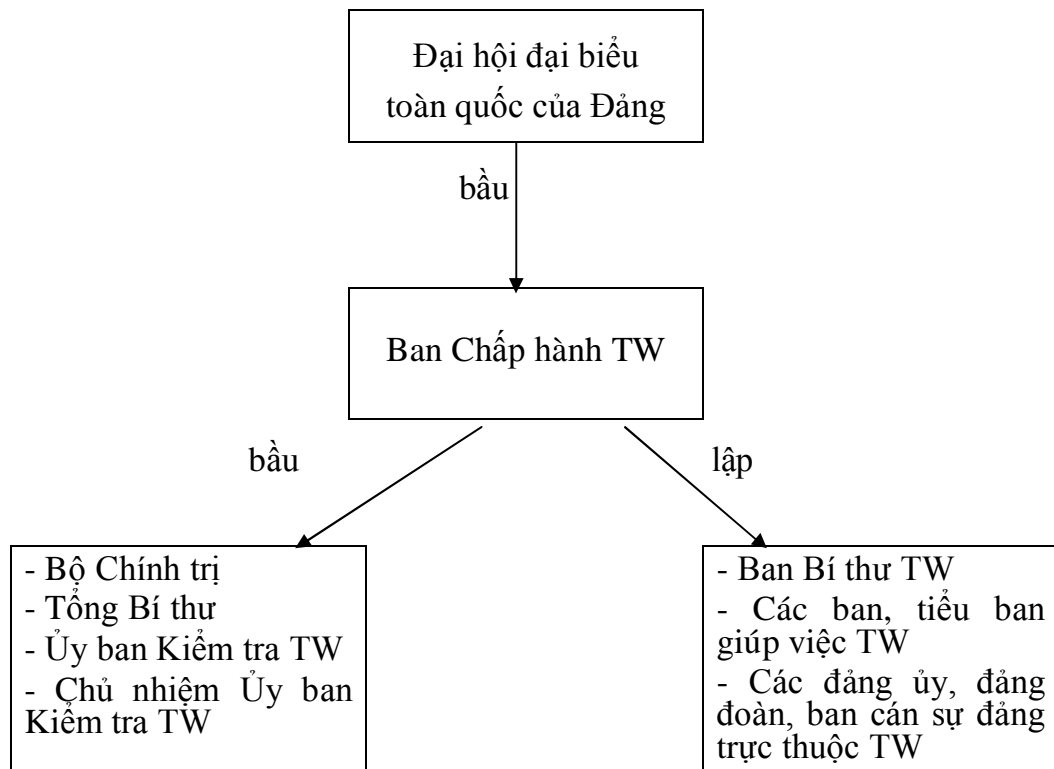
** Các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương*

Đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương là tổ chức đảng do Bộ Chính trị quyết định thành lập để thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng ở các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội và các hội quần chúng.

Các đảng đoàn được thành lập tại cơ quan lãnh đạo nhà nước và đoàn thể chính trị xã hội do bầu cử lập ra như: Đảng đoàn Quốc hội; Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt nam; Đảng đoàn Hội Liên hiệp phụ nữ; Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh Việt Nam...

Các ban cán sự đảng được thành lập ở các bộ, cơ quan ngang bộ, Tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao.

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG Ở CẤP TRUNG ƯƠNG



1.2.2. Tổ chức bộ máy của Đảng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1.2.2.1. Cơ quan lãnh đạo của Đảng

**** Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, thành phố***

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, thành phố do cấp ủy cùng cấp triệu tập thường lệ 5 năm một lần, có thể triệu tập sớm hơn hoặc muộn hơn nhưng không quá một năm.

Đại hội có nhiệm vụ thảo luận các dự thảo văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ; bầu đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng.

** Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố*

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố (gọi tắt là tỉnh ủy, thành ủy) do Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố bầu (Bộ Chính trị chuẩn y). Tỉnh ủy, thành ủy là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ giữa hai kỳ Đại hội. Tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu; Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên.

Tỉnh ủy, thành ủy bầu Ban Thường vụ; bầu bí thư và phó bí thư trong số ủy viên thường vụ; bầu ủy ban Kiểm tra; bầu chủ nhiệm ủy ban Kiểm tra trong số ủy viên ủy ban Kiểm tra.

Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy họp thường lệ 3 tháng một lần và họp bất thường khi cần.

** Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy*

Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy do tỉnh ủy bầu; Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy có nhiệm vụ lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu, Nghị quyết, Chỉ thị của cấp ủy cùng cấp và cấp trên; quyết định các vấn đề về chủ trương, về tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của tỉnh ủy, thành ủy.

Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy cử Thường trực tỉnh ủy, thành ủy gồm bí thư, các phó bí thư. Thường trực tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của cấp ủy, của Ban Thường vụ và cấp ủy cấp trên; giải quyết công việc hàng ngày của Đảng bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Thường vụ.

1.2.2.2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy

Các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy, các cơ quan sự nghiệp của Đảng ở cấp tỉnh do Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định thành lập; riêng ủy ban Kiểm tra do tỉnh ủy, thành ủy bầu. Các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy, các cơ quan sự nghiệp của Đảng ở cấp tỉnh, thành phố gồm: ủy ban Kiểm tra, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Văn phòng, Báo, Trường Chính trị, Nhà xuất bản.

Tùy theo yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo công tác trong thực tế, ngoài một số ban chức năng theo qui định chung, các tỉnh ủy, thành ủy có thể lập thêm một số ban, tiểu ban tham mưu giúp việc như Ban Kinh tế, Ban Tài chính Quản trị, Ban Nội chính, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ (trường hợp này phải xin ý kiến của Bộ Chính trị).

1.2.2.3. Các tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy

** Các đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy*

Các đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy bao gồm: Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Đảng ủy Dân chính Đảng (đảng ủy các cơ quan) tỉnh.

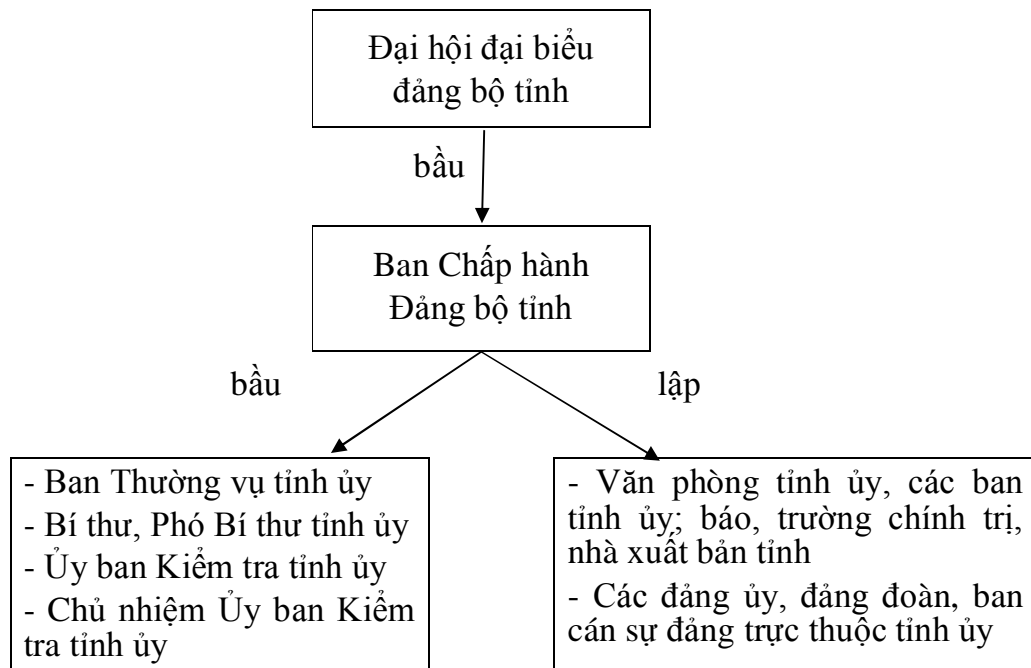
Ngoài ra, ở các tỉnh, thành phố có các khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, công trường, nông trường, của Trung ương đóng trên địa bàn địa phương, thì tỉnh ủy quyết định thành lập thêm các Đảng ủy của nhà máy, xí nghiệp, nông trường, ...trực thuộc tỉnh ủy.

** Các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy*

Các đảng đoàn trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy được thành lập ở các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội do bầu cử lập ra như Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh, Đảng đoàn Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh tỉnh, Đảng đoàn Hội nông dân tỉnh.

Các ban cán sự đảng được thành lập ở các cơ quan như: ủy ban Nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh.

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG Ở CẤP TỈNH



1.2.3. Tổ chức bộ máy của Đảng cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là cấp huyện)

1.2.3.1. Cơ quan lãnh đạo của Đảng

** Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện*

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện do cấp ủy cùng cấp triệu tập thường lệ 5 năm một lần, có thể triệu tập sớm hơn hoặc muộn hơn nhưng không quá một năm.

Đại hội có nhiệm vụ thảo luận các dự thảo văn kiện của Đại hội cấp trên, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ; bầu đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh.

** Ban Chấp hành Đảng bộ huyện*

Ban chấp hành Đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy) do Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện bầu ra và tỉnh ủy chuẩn y. Huyện ủy là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ giữa hai kỳ Đại hội. Huyện ủy có nhiệm vụ: lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu cấp mình; Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên.

Huyện ủy bầu Ban Thường vụ huyện ủy; bầu bí thư và phó bí thư trong số ủy viên thường vụ; bầu ủy ban Kiểm tra; bầu chủ nhiệm ủy ban Kiểm tra trong số ủy viên ủy ban Kiểm tra.

Hội nghị huyện ủy họp thường lệ 3 tháng 1 lần; có thể họp bất thường khi cần.

** Ban Thường vụ huyện ủy*

Ban Thường vụ huyện ủy do huyện ủy bầu ra. Ban Thường vụ huyện ủy có nhiệm vụ lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội, Nghị quyết, Chỉ thị của cấp ủy cùng cấp và cấp trên; quyết định các vấn đề về chủ trương, về tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung cho kỳ họp của huyện ủy.

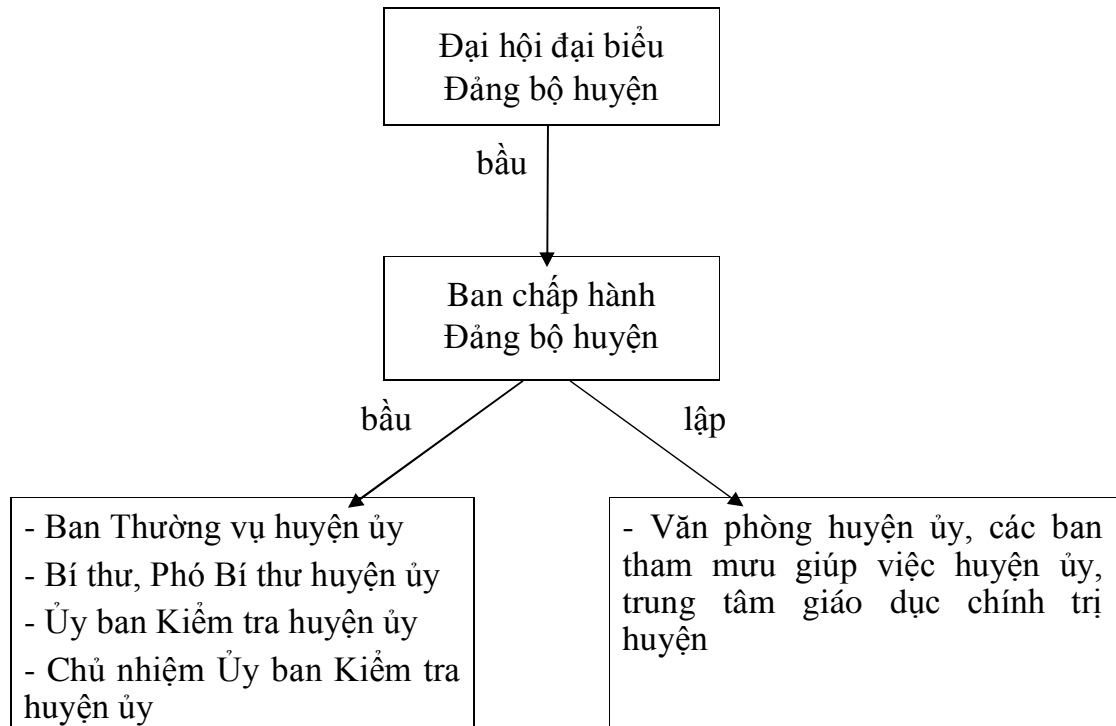
*Thường trực huyện ủy gồm bí thư, các phó bí thư. Thường trực huyện ủy chỉ đạo kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của huyện ủy, của Ban Thường vụ và cấp ủy cấp trên; giải quyết công việc hàng ngày của Đảng bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Thường vụ.

1.2.3.2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy

Các cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy do Ban Thường vụ huyện ủy quyết định thành lập; riêng Ủy ban Kiểm tra do huyện ủy bầu ra. Các cơ quan tham mưu giúp việc huyện ủy bao gồm: Ủy ban Kiểm tra, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Văn phòng.

Ngoài các ban tham mưu giúp việc huyện ủy, ở cấp huyện còn lập trung tâm giáo dục chính trị để thực hiện chức năng giáo dục, đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho cán bộ cấp cơ sở.

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG Ở CẤP HUYỆN



2.4. Tổ chức cơ sở đảng

Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

Tổ chức cơ sở đảng được thành lập ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an và các đơn vị khác có từ 3 đảng viên chính thức trở lên lập tổ chức cơ sở đảng; tổ chức cơ sở đảng dưới 30 đảng viên lập chi bộ cơ sở, có các tổ đảng trực thuộc. Tổ chức cơ sở đảng có từ 30 đảng viên trở lên lập đảng bộ cơ sở, có các chi bộ trực thuộc đảng ủy.

1.2.4.1. Cơ quan lãnh đạo của Đảng cấp cơ sở

* Đại hội đại biểu hoặc Đại hội đảng viên

Đại hội đại biểu hoặc Đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở Đảng do cấp ủy cơ sở triệu tập 5 năm một lần, có thể triệu tập sớm hơn nhưng không quá một năm.

Đại hội thảo luận các dự thảo văn kiện của Đại hội đảng bộ cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của nhiệm kỳ đã qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ, bầu đại biểu đi dự Đại hội đảng bộ huyện.

* Ban Chấp hành Đảng bộ

Ban Chấp hành đảng bộ (gọi tắt là đảng ủy) do Đại hội đại biểu hoặc Đại hội Đảng viên bầu ra và do huyện ủy chuẩn y. Ban chấp hành đảng bộ là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ Đại hội.

Tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ:

- Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

- Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong đảng; thường xuyên giáo dục, rèn luyện và quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tính chiến đấu, trình độ kiến thức, năng lực công tác; làm công tác phát triển đảng viên.

- Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch vững mạnh; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Liên hệ mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước; kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng.

Đảng ủy cơ sở nếu được cấp ủy cấp trên trực tiếp ủy quyền thì được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên.

Đảng ủy, chi ủy cơ sở họp thường lệ mỗi tháng 1 lần; họp bất thường khi cần.

** Ban Thường vụ đảng ủy*

Đối với những đảng ủy cơ sở có từ 9 ủy viên trở lên thì được bầu Ban Thường vụ, bầu Bí thư, Phó Bí thư trong số ủy viên thường vụ; những đảng ủy có dưới 9 ủy viên không bầu Ban Thường vụ mà chỉ bầu Bí thư, Phó Bí thư.

Ban Thường vụ có nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ của Đảng bộ.

1.2.4.2. Các ban của đảng ủy

Đảng ủy lập ra các ban đảm nhiệm từng mặt công tác của đảng ủy: văn phòng, tổ chức, kiểm tra, tuyên giáo, công tác quần chúng. Các ban không có cán bộ chuyên trách, do một đồng chí thường vụ hoặc đảng ủy viên phụ trách.

1.2.4.3. Các chi bộ trực thuộc đảng ủy

Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở được tổ chức theo nơi làm việc của đảng viên; mỗi chi bộ ít nhất có 3 đảng viên chính thức. Chi bộ đông đảng viên có thể chia thành tổ đảng; tổ đảng bầu tổ trưởng, nếu cần thì bầu tổ phó; tổ đảng hoạt động dưới sự chỉ đạo của chi ủy.

Chi bộ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị; giáo dục, quản lý và phân công công tác cho đảng viên; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển đảng viên; kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng viên; thu và nộp đảng phí. Chi bộ, chi ủy họp thường lệ mỗi tháng một lần.

Đại hội chi bộ do chi ủy triệu tập năm năm 2 lần; nơi chưa có chi ủy thì do bí thư chi bộ triệu tập. Khi được đảng ủy cơ sở đồng ý thì có thể triệu tập sớm hơn hoặc muộn hơn nhưng không quá 6 tháng.

Chi bộ có dưới 9 đảng viên chính thức bầu bí thư chi bộ, nếu cần bầu phó bí thư. Chi bộ có 9 đảng viên chính thức trở lên bầu chi ủy, bầu bí thư, phó bí thư chi bộ trong số chi ủy viên.

2. HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÁC CƠ QUAN LƯU TRỮ ĐẢNG

2.1. Hệ thống tổ chức

Hệ thống tổ chức các cơ quan lưu trữ Đảng gồm:

- Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
- Các phòng, kho lưu trữ tỉnh, thành ủy đặt trong văn phòng cấp ủy.
- Các kho lưu trữ cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố đặt trong văn phòng cấp ủy.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và biên chế các cơ quan lưu trữ Đảng

2.2.1. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Cục Lưu trữ Văn phòng TW Đảng được quy định cụ thể trong quyết định số 19-QĐ/VPTW ngày 21-02-1992 của Văn phòng Trung ương Đảng. Theo pháp lệnh lưu trữ Quốc gia (ban hành ngày 04-4-2001) bổ sung thành phần tài liệu phong lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam, vì vậy nhiệm vụ của Cục Lưu trữ được mở rộng.

2.2.1.1. Chức năng

Trực tiếp giúp Ban Bí thư TW quản lý Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam theo quyết định số 20-QĐ/TW ngày 23/9/1987 của Ban Bí thư TW, quản lý kho lưu trữ TW Đảng và chỉ đạo nghiệp vụ công tác văn thư-lưu trữ của Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội.

2.2.1.2. Nhiệm vụ

- Trực tiếp quản lý kho tài liệu lưu trữ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, sưu tầm, thu thập, chỉnh lý và bảo quản an toàn tài liệu văn kiện của TW Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội ở TW và phục vụ các yêu cầu khai thác theo quy định của Ban Bí thư TW và Văn phòng TW.

- Giúp Chánh Văn phòng soạn thảo các văn bản của Trung ương và Văn phòng Trung ương về công tác văn thư, lưu trữ của Đảng và của các tổ chức chính trị-xã hội, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.

- Chỉ đạo, hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư, lưu trữ đối với các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị-xã hội ở Trung ương, các văn phòng

cấp uỷ tỉnh. Quản lý toàn bộ mục lục hồ sơ tài liệu lưu trữ 70 năm và vĩnh viễn của các kho lưu trữ cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là tin học vào công tác văn thư, lưu trữ của Đảng và các tổ chức chính trị-xã hội.

- Hợp tác với các cơ quan lưu trữ Nhà nước ở Trung ương và các Trường đào tạo cán bộ văn thư, lưu trữ, đề xuất kế hoạch quan hệ với các tổ chức lưu trữ các Đảng anh em để thu thập tài liệu và trao đổi kinh nghiệm công tác lưu trữ.

2.2.1.3. *Tổ chức* gồm 5 phòng:

- Phòng Khoa học - Nghiệp vụ.
- Phòng Bảo quản.
- Phòng thu thập, chỉnh lý.
- Phòng Khai thác.
- Phòng Lưu trữ hiện hành.

2.2.1.4. *Biên chế*

Biên chế hiện nay của Cục Lưu trữ Văn phòng TW Đảng gồm 57 cán bộ.

2.2.2. Kho lưu trữ tỉnh, thành uỷ (gọi chung là kho lưu trữ tỉnh uỷ)

2.2.2.1. *Vị trí*

Kho lưu trữ tỉnh, thành uỷ là cơ quan lưu trữ của Đảng ở cấp tỉnh, thành phố được đặt trong văn phòng tỉnh, thành uỷ. Kho lưu trữ tỉnh uỷ chịu sự chỉ đạo của tỉnh uỷ, trực tiếp của Chánh Văn phòng tỉnh uỷ, đồng thời chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn về mặt khoa học, nghiệp vụ của Cục Lưu trữ Văn phòng TW.

2.2.2.2. *Chức năng*

Giúp cấp uỷ quản lý kho tài liệu lưu trữ của tỉnh uỷ; chỉ đạo, hướng dẫn công tác văn thư - lưu trữ của các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị-xã hội ở cấp tỉnh, các huyện, quận, thị, thành uỷ.

2.2.2.3. *Nhiệm vụ:*

- Trực tiếp quản lý kho lưu trữ của Tỉnh uỷ, sưu tầm, thu thập, chỉnh lý và bảo quản an toàn tài liệu văn kiện của Đảng và của các tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh, phục vụ các yêu cầu khai thác theo quy định của Trung ương, Văn phòng TW và tỉnh uỷ.

- Giúp Chánh văn phòng tỉnh uỷ trong việc tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương Đảng, Văn phòng TW, Cục Lưu trữ Văn phòng TW; soạn thảo các văn bản của tỉnh uỷ, văn phòng tỉnh uỷ về công tác văn thư, lưu trữ Đảng, các tổ chức chính trị-xã hội và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.

- Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ văn thư, lưu trữ đối với các cơ quan

Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, các huyện, quận, thị, thành uỷ trực thuộc tỉnh uỷ.

- Quản lý toàn bộ mục lục hồ sơ tài liệu lưu 70 năm và vĩnh viễn của các kho lưu trữ cấp uỷ huyện, quận, thị, thành trực thuộc.

- Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhất là tin học vào công tác văn thư - lưu trữ của tỉnh Đảng bộ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

- Định kỳ 6 tháng và một năm gửi báo cáo bằng văn bản cho Văn phòng Trung ương về tình hình tài liệu, công tác văn thư - lưu trữ của tỉnh Đảng bộ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

2.2.2.4. Phạm vi quản lý tài liệu

Kho lưu trữ tỉnh uỷ là cơ quan duy nhất có quyền trực tiếp quản lý toàn bộ tài liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan lãnh đạo Đảng, các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh uỷ, các Đảng uỷ, Đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc tỉnh uỷ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh. Cụ thể gồm:

- Tài liệu Đại hội Đảng bộ tỉnh.

- Tài liệu hội nghị Ban chấp hành, hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, hội nghị cán bộ do Tỉnh uỷ triệu tập; tài liệu do Tỉnh uỷ phát hành; tài liệu của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Tỉnh uỷ; tài liệu của Trung ương Đảng, Chính phủ và các cấp, các ngành gửi đến Tỉnh uỷ.

- Tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của Văn phòng Tỉnh uỷ, các Ban Đảng, Báo, các Đảng uỷ, Đảng đoàn, Ban cán sự trực thuộc Tỉnh uỷ.

- Tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của các tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh gồm tài liệu Đại hội, Ban chấp hành, các ban tham mưu, giúp việc trực thuộc các tổ chức chính trị - xã hội.

2.2.2.5. Tổ chức, biên chế

Theo Hướng dẫn số 01-HD/VPTW-TCTW của Văn phòng Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương, phòng lưu trữ văn phòng tỉnh uỷ làm công tác quản lý kho lưu trữ tỉnh uỷ; biên chế của phòng lưu trữ tỉnh, thành trực thuộc TW từ 3-5 cán bộ.

2.2.3. Kho lưu trữ huyện, quận, thị, thành phố trực thuộc tỉnh, thành uỷ (gọi chung là kho lưu trữ huyện uỷ).

2.2.3.1. Vị trí

Kho lưu trữ huyện uỷ là cơ quan lưu trữ của Đảng ở cấp huyện, quận, thị, thành trực thuộc tỉnh được đặt trong văn phòng huyện uỷ. Kho lưu trữ huyện uỷ chịu sự chỉ đạo của huyện uỷ, trực tiếp của Chánh Văn phòng huyện uỷ, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về mặt khoa học, nghiệp vụ của phòng lưu trữ tỉnh uỷ.

2.2.3.2. Chức năng

Giúp cấp uỷ quản lý kho tài liệu lưu trữ của cấp uỷ huyện; chỉ đạo, hướng dẫn công tác văn thư - lưu trữ của các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị-xã hội cấp huyện và cấp cơ sở.

2.2.3.3. *Nhiệm vụ*

- Trực tiếp quản lý kho lưu trữ của huyện uỷ: sưu tầm, thu thập, chỉnh lý và bảo quản an toàn tài liệu văn kiện của Đảng bộ và của các tổ chức chính trị - xã hội trong huyện, phục vụ các yêu cầu khai thác theo qui định của TW, Văn phòng TW, tỉnh uỷ, huyện uỷ.

- Giúp Chánh Văn phòng huyện uỷ tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cơ quan lãnh đạo của Đảng và các cơ quan lưu trữ cấp trên, soạn thảo các văn bản của huyện uỷ, văn phòng huyện uỷ về công tác văn thư - lưu trữ của Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.

- Chỉ đạo, hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư - lưu trữ đối với các cơ quan, tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và cơ sở.

- Định kỳ 6 tháng và một năm gửi báo cáo bằng văn bản về Văn phòng Tỉnh uỷ về tình hình tài liệu và công tác văn thư - lưu trữ của các cơ quan Đảng và tổ chức chính trị - xã hội trong huyện.

2.2.3.4. *Phạm vi quản lý tài liệu*

Kho lưu trữ huyện uỷ là cơ quan duy nhất có quyền trực tiếp quản lý toàn bộ tài liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của Đại hội, Hội nghị các cơ quan Đảng ở cấp huyện, tài liệu của các tổ chức cơ sở đảng, tài liệu của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và cấp cơ sở. Cụ thể gồm:

- Tài liệu đại hội Đảng bộ huyện.

- Tài liệu hội nghị Ban Chấp hành, hội nghị Ban Thường vụ huyện uỷ, hội nghị cán bộ do huyện uỷ triệu tập; tài liệu do huyện uỷ phát hành, tài liệu của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của huyện uỷ; tài liệu của các cơ quan cấp trên và của các ban, ngành, đảng bộ, đơn vị trực thuộc gửi đến huyện uỷ.

- Tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của văn phòng huyện uỷ, các ban Đảng, Trung tâm chính trị, các Đảng bộ, chi bộ trực thuộc huyện uỷ.

- Tài liệu của các Đảng bộ xã, phường, thị trấn.

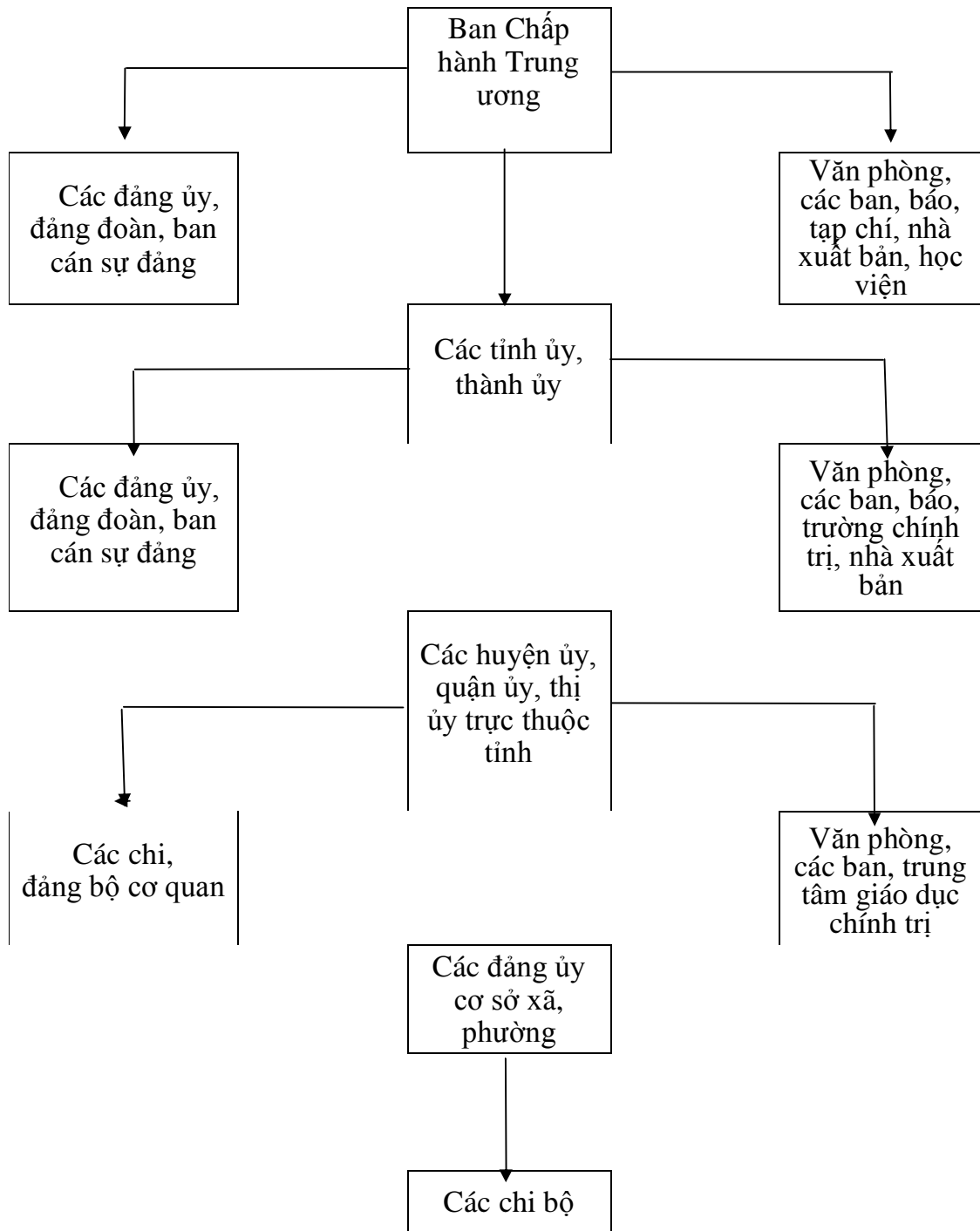
- Tài liệu của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và cấp cơ sở.

2.2.3.5. *Biên chế*

Theo công văn số 728-TC/TW của Ban Tổ chức TW, biên chế kho lưu trữ huyện, quận, thị uỷ, thành uỷ trực thuộc tỉnh bố trí 1/2 đến 1 cán bộ lưu trữ chuyên trách

Phụ lục số 01

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG



CHƯƠNG 2:

HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

1. Hệ thống tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1.1. Nguyên tắc tổ chức

Điều 5 - Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam qui định: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động.

Khi phối hợp và thống nhất hành động, các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tuân theo Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đồng thời vẫn giữ tính độc lập của tổ chức mình.

1.2. Hệ thống tổ chức

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tổ chức theo cấp hành chính: Trung ương; Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Huyện, quận, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh; Xã, phường, thị trấn.

Ở mỗi cấp có Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Dưới cấp xã, phường, thị trấn có Ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư.

1.2.1. Tổ chức bộ máy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp Trung ương

* *Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*: là cơ quan hiệp thương cao nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được triệu tập thường lệ 5 năm một lần. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận và thông qua báo cáo nhiệm kỳ của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; thông qua chương trình thống nhất hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ mới; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; hiệp thương dân chủ cử ra Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

* *Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*: do Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương dân chủ cử ra, là cơ quan chấp hành giữa 2 kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện chương trình hành động do Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề ra và những nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

* *Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*: do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương dân chủ cử trong số ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đoàn Chủ tịch là đại diện của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữa 2 kỳ họp, có nhiệm vụ: quyết định những chủ trương công tác để thực hiện chương trình hành động và nghị quyết của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Ban Thường trực trình; góp ý kiến kiến nghị với Đảng, Nhà nước về chủ trương, đường lối, chính sách. Góp ý kiến kiến nghị với Nhà nước về chính sách, pháp luật; xem xét, quyết định việc cử, cho thôi ủy viên Ban Thường trực theo đề nghị của Ban Thường trực và báo cáo với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại kỳ họp gần nhất.

* *Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*: do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương dân chủ cử trong số ủy viên Đoàn Chủ tịch gồm Chủ tịch, Tổng Thư ký và các ủy viên Ban Thường trực. Ban Thường trực là những người hoạt động chuyên trách. Ban thường trực là đại diện của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Đoàn Chủ tịch giữa 2 kỳ họp, có nhiệm vụ:

- Chuẩn bị các kỳ họp của Đoàn Chủ tịch và giúp Đoàn Chủ tịch chuẩn bị các kỳ họp của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- Tổ chức thực hiện chương trình hành động của Ủy ban Trung ương, những quyết định của Đoàn Chủ tịch; chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh;

- Xem xét, công nhận việc cử, bổ sung hoặc thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh;

- Tổ chức, quản lý bộ máy giúp việc ở cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với cơ quan Nhà nước, tổ chức thành viên;

- Hướng dẫn, tạo điều kiện cho hoạt động của các tổ chức tư vấn, cộng tác viên của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

* *Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*

- Cơ quan chuyên trách giúp việc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gồm: Văn phòng, Ban Tổ chức cán bộ, Ban Tuyên huấn, Ban Dân chủ pháp luật, Ban Tôn giáo Dân tộc, Ban Kinh tế đối ngoại, Ban Phong trào thi đua và Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng pháp luật.

- Cơ quan sự nghiệp: Trung tâm dịch vụ việc làm, Báo Đại đoàn kết, Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam, Báo Người Công giáo Việt Nam, Trung tâm công tác lý luận, Tạp chí Mặt trận, Trung tâm tư vấn pháp luật.

- Các doanh nghiệp: Công ty Chân Hưng (Hà Nội) và Công ty Thái Dương (thành phố Hồ Chí Minh).

1.2.2. Tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh

* *Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc tỉnh*: là cơ quan hiệp thương cao nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở tỉnh, do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh triệu tập thường lệ 5 năm/lần. Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc tỉnh có nhiệm vụ thảo luận và thông qua báo cáo nhiệm kỳ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; thông qua chương trình thống nhất hành động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

tình nhiệm kỳ mới; góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện của Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc toàn quốc; hiệp thương dân chủ cử ra Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

* *Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh*: do Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hiệp thương dân chủ cử và là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ Đại hội. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có nhiệm vụ thảo luận về tình hình và kết quả phối hợp thực hiện chương trình hành động thời gian qua, quyết định chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc tỉnh thời gian tới; tham gia ý kiến vào các văn kiện Đại hội Mặt trận Tổ quốc tỉnh; hiệp thương về tổ chức và nhân sự thuộc thẩm quyền của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; thảo luận, quyết định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trình.

* *Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh*: do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh hiệp thương dân chủ cử trong số ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Ủy viên Ban Thường trực là những người hoạt động chuyên trách. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có nhiệm vụ:

- Chuẩn bị các kỳ họp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Tổ chức thực hiện chương trình hành động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các chủ trương công tác của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;
- Xét, công nhận việc cử, bổ sung hoặc thay đổi chức danh chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;
- Tổ chức quản lý, điều hành bộ máy giúp việc ở cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với cơ quan Nhà nước, các tổ chức thành viên;
- Hướng dẫn, tạo điều kiện cho hoạt động của các tổ chức tư vấn, cộng tác viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố.

* *Cơ quan chuyên trách giúp việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh* bao gồm: Văn phòng, Ban Dân chủ pháp luật, Ban Tuyên giáo, Ban Tôn giáo - Dân tộc, Ban Phong trào.

1.2.3. Tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện

* *Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện*: là cơ quan hiệp thương dân chủ cao nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận và thông qua báo cáo nhiệm kỳ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện; thông qua chương trình thống nhất hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện; góp ý kiến vào văn kiện Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; hiệp thương dân chủ cử ra Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện.

* *Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện*: là cơ quan chấp hành giữa 2 kỳ Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện chương trình của Mặt trận Tổ quốc do Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện đề ra và những nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

* *Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện*: do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện hiệp thương dân chủ cử trong số ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện gồm: Chủ tịch, phó Chủ tịch và các uỷ viên chuyên trách giúp việc. Ban Thường trực có nhiệm vụ:

- Chuẩn bị các kỳ họp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện;
- Tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các chủ trương công tác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban Nhân dân huyện có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc;
- Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã;
- Xét, công nhận việc cử, bổ sung hoặc thay đổi chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã;
- Tổ chức quản lý, điều hành bộ máy giúp việc ở cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện;
- Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với cơ quan Nhà nước và các tổ chức thành viên;
- Hướng dẫn, tạo điều kiện cho hoạt động của các tổ chức tư vấn, công tác viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện;

1.2.4. Tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã

* *Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã*: là cơ quan hiệp thương dân chủ cao nhất của Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận và thông qua báo cáo nhiệm kỳ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã; thông qua chương trình thống nhất hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã; góp ý kiến vào văn kiện Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện; hiệp thương dân chủ cử ra Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

* Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã: là cơ quan chấp hành giữa 2 kỳ Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện chương trình của Mặt trận Tổ quốc do Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã đề ra và những nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt nam.

* Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã: do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã hiệp thương dân chủ cử trong số ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã gồm: Chủ tịch, phó Chủ tịch và ủy viên thường trực. Ban Thường trực có nhiệm vụ chuẩn bị các kỳ họp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã; tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các chủ trương công tác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện; chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban Nhân dân xã có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc; giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với cơ quan Nhà nước và các tổ chức thành viên; hướng dẫn, tạo điều kiện cho hoạt động của các tổ chức tư vấn, cộng tác viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã.

* Ban công tác Mặt trận: được tổ chức ở thôn, làng, ấp, bản, khu phố, cộng đồng dân cư khác ở cơ sở do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn quyết định thành lập. Ban công tác Mặt trận có nhiệm vụ: trực tiếp vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng Nhân dân, quyết định của Ủy ban Nhân dân và chương trình hành động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp; động viên nhân dân giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ công chức Nhà nước; phối hợp thực hiện qui chế dân chủ và hoạt động tự quản ở cộng đồng dân cư.

2. Hệ thống tổ chức của Công đoàn

2.1. Nguyên tắc tổ chức

Điều 5 - Điều lệ Công đoàn Việt Nam qui định: Công đoàn tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cụ thể:

- Cơ quan lãnh đạo các cấp của Công đoàn đều do bầu cử lập ra;
- Quyền quyết định cao nhất của mỗi Công đoàn thuộc về Đại hội Công đoàn cấp đó. Giữa 2 kỳ Đại hội, cơ quan lãnh đạo là Ban Chấp hành;
- Ban Chấp hành Công đoàn các cấp hoạt động theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức;
- Nghị quyết của công đoàn các cấp được thông qua theo đa số và phải được thi hành nghiêm chỉnh;

- Khi mới thành lập hoặc tách, nhập tổ chức Công đoàn, Công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định Ban Chấp hành Công đoàn lâm thời. Thời gian hoạt động của Ban Chấp hành lâm thời không quá 12 tháng.

2.2. Hệ thống tổ chức

Hệ thống tổ chức công đoàn gồm: Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam; Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và công đoàn ngành Trung ương; Công đoàn cấp trên cơ sở; Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn.

2.1.1. Tổ chức bộ máy của Công đoàn cấp Trung ương

* *Đại hội Công đoàn toàn quốc*: là cơ quan lãnh đạo cao nhất của tổ chức Công đoàn, tiến hành thường lệ 5 năm một lần. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận, thông qua các báo cáo của Ban Chấp hành, quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Công đoàn nhiệm kỳ tới; bầu Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nhiệm kỳ mới; thông qua Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

* *Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam*: là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội Công đoàn Việt Nam. Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có nhiệm vụ:

- Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào phong trào công nhân và hoạt động công đoàn; tuyên truyền, giáo dục và vận động đoàn viên, công nhân, viên chức lao động (CNVCLĐ) thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Công đoàn toàn quốc và các Nghị quyết của Đảng.

- Quyết định chương trình công tác Công đoàn toàn khóa và hàng năm. Ra các nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo các cấp công đoàn thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam.

- Quyết định chủ trương, biện pháp phát triển đoàn viên, đổi mới công tác tổ chức, cán bộ và phương thức hoạt động công đoàn.

- Quyết định phương hướng công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về phong trào công nhân và hoạt động công đoàn.

- Quyết định phương hướng công tác đối ngoại của Công đoàn Việt Nam.

- Quyết định chủ trương quản lý tài chính, tài sản công đoàn và hoạt động kinh tế công đoàn. Thông qua dự toán, quyết toán ngân sách công đoàn hàng năm.

- Đề xuất với Đảng và Nhà nước về chủ trương, chính sách, biện pháp xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn.

- Tham gia với Quốc hội, Chính phủ trong việc xây dựng và ban hành luật pháp và các chế độ, chính sách có liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi của CNVCLĐ.

- Phối hợp với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội tổ chức phong trào hàng động cách mạng trong CNVCLĐ, cùng các tầng lớp nhân dân thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Lãnh đạo, chỉ đạo công đoàn các cấp tiến hành Đại hội công đoàn nhiệm kỳ; chuẩn bị Đại hội và quyết định triệu tập Đại hội đại biểu Công đoàn toàn quốc.

* *Đoàn Chủ tịch*: là cơ quan Thường trực của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, thay mặt Ban Chấp hành chỉ đạo, điều hành các hoạt động của tổ chức công đoàn giữa 2 kỳ họp Ban Chấp hành. Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ:

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cấp công đoàn thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam và các nghị quyết của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn; chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn; tổ chức thực hiện chương trình công tác và các hoạt động của Ban Chấp hành; ra các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, thông tri, hướng dẫn để thực hiện nghị quyết Đại hội và Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn.

- Thay mặt Ban Chấp hành tham gia quản lý Nhà nước; tổ chức các hoạt động phối hợp với Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội; nghiên cứu đề xuất với Đảng, Nhà nước về chủ trương, biện pháp xây dựng giai cấp công nhân, tổ chức công đoàn và các chế độ, chính sách, pháp luật liên quan đến CNVCLĐ.

- Chỉ đạo các tổ chức, cán bộ công đoàn, phát triển đoàn viên, xây dựng tổ chức công đoàn và nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ công đoàn; công tác tuyên truyền, giáo dục CNVCLĐ; công tác vận động nữ CNVCLĐ.

- Chỉ đạo nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về công nhân và công đoàn, công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động.

- Chỉ đạo công tác quản lý tài chính, tài sản và các hoạt động kinh tế công đoàn.

- Chỉ đạo và quản lý các hoạt động đối ngoại của tổ chức công đoàn theo đường lối đối ngoại của Đảng và chương trình công tác đối ngoại của Tổng Liên đoàn.

- Chỉ đạo công tác pháp luật của công đoàn, công tác kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

- Chỉ đạo công tác xuất bản, báo chí, thông tin về phong trào công nhân, viên chức, lao động và hoạt động công đoàn; đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết cho các ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn và các cấp công đoàn; trả lời ý kiến chất vấn của các ủy viên Ban Chấp hành.

- Trực tiếp chỉ đạo hoạt động của cơ quan Tổng Liên đoàn và các đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn.

* *Thường trực Đoàn Chủ tịch:* do Đoàn Chủ tịch cử ra gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Thường trực Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ:

- Giải quyết các công việc thường xuyên để thực hiện chủ trương công tác của Đoàn Chủ tịch.

- Thông qua chương trình và nội dung các văn bản để chuẩn bị cho các kỳ họp của Đoàn Chủ tịch và Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn.

- Cùng với các ủy viên Đoàn Chủ tịch tại cơ quan Tổng Liên đoàn xem xét các vấn đề đột xuất cấp bách, giải quyết các văn bản cần tham gia kịp thời với Nhà nước thuộc phạm vi trách nhiệm của Đoàn Chủ tịch, sau đó báo cáo lại với Đoàn Chủ tịch trong phiên họp gần nhất.

* *Cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam*

- Cơ quan tham mưu giúp việc gồm: Văn phòng, Ban Tổ chức, Ban Đối ngoại, Ban Tư tưởng Văn hoá, Ban Tài chính, Ban Nữ công, Ủy ban Kiểm tra, Ban Kinh tế, Ban Chính sách - xã hội và Ban Pháp luật.

- Cơ quan sự nghiệp gồm: Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động, Trường Đại học Công đoàn, Báo Lao động, Nhà xuất bản Lao động, Tạp chí Lao động và Công đoàn, Tạp chí Bảo hiểm lao động, Viện Công nhân Công đoàn, Trung tâm dịch vụ việc làm công đoàn, Trung tâm dịch vụ dạy nghề lao động nữ Đoàn Thị Điểm, Cục Quản lý kinh tế.

2.2.2. *Tổ chức bộ máy của Công đoàn cấp tỉnh*

* *Đại hội công đoàn tỉnh:* được tổ chức thường lệ 5 năm một lần. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận, thông qua các báo cáo của ban chấp hành, quyết định phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; tham gia xây dựng văn kiện của đại hội công đoàn toàn quốc; bầu Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh nhiệm kỳ tới và bầu đại biểu đi dự Đại hội Công đoàn toàn quốc.

* *Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh:* là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội công đoàn tỉnh. Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh có nhiệm vụ tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu công đoàn tỉnh; thi hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Chính phủ và công đoàn cấp trên; chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của công đoàn cấp dưới; định kỳ báo cáo tình hình tổ chức hoạt động công đoàn cấp mình với cấp ủy Đảng đồng cấp, công đoàn cấp trên và thông báo cho công đoàn cấp dưới; quản lý tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế công đoàn theo quy định của Nhà nước và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

* *Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh:* là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh, có nhiệm vụ thay mặt ban chấp hành chuẩn

bị nội dung các kỳ họp ban chấp hành và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ban chấp hành, báo cáo hoạt động của mình tại hội nghị thường kỳ của ban chấp hành; trực tiếp chỉ đạo hoạt động của cơ quan và đơn vị trực thuộc.

Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh phân công một số đồng chí làm thường trực (gồm chủ tịch và các phó chủ tịch) để giải quyết công việc hàng ngày.

* *Cơ quan chuyên trách, giúp việc* Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh gồm: Văn phòng, Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Văn hóa-tư tưởng, Ban Kinh tế-Chính sách xã hội, Ban Tài chính và Ban Nữ công. (Hướng dẫn số 378/TC-LĐ ngày 28-3-1995 của Ban tổ chức của TLĐLĐ Việt Nam).

Ngoài các cơ quan chuyên trách giúp việc, trực thuộc BCH còn có các đơn vị sự nghiệp: Trung tâm dịch vụ việc làm, khách sạn công đoàn.

2.2.3. *Tổ chức bộ máy của Công đoàn cấp trên cơ sở*

Tổ chức công đoàn cấp trên cơ sở gồm: công đoàn ngành địa phương, liên đoàn lao động huyện, quận, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh, công đoàn khu công nghiệp, công đoàn Tổng Công ty.

* *Nhiệm vụ của Công đoàn ngành địa phương:*

- Tổ chức triển khai các chủ trương công tác của Liên đoàn Lao động tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương và nghị quyết Đại hội Công đoàn cấp mình.

- Tham gia với cơ quan quản lý cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội của ngành ở địa phương, các vấn đề có liên quan đến trách nhiệm và lợi ích ngành, nghề, xây dựng đội ngũ công nhân viên chức và lao động trong ngành.

- Hướng dẫn, thông tin về pháp luật và các chế độ, chính sách, khoa học kỹ thuật ngành, nghề, chỉ đạo Công đoàn cấp dưới thực hiện các chế độ, chính sách lao động ngành, nghề. Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của Công đoàn và truyền thống, nghĩa vụ, quyền lợi của CNVCLĐ trong ngành.

- Phối hợp với Liên đoàn Lao động huyện, quận, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách ngành, nghề, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ trong ngành.

- Phát triển đoàn viên và công đoàn cơ sở trong các thành phần kinh tế, thực hiện công tác tổ chức cán bộ theo phân cấp của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, xây dựng công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn vững mạnh.

* *Nhiệm vụ của Liên đoàn Lao động huyện:*

- Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn.

- Triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị và chủ trương công tác của Liên đoàn Lao động tỉnh thành phố, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy Đảng và nghị quyết Đại hội Công đoàn cấp mình. Tham gia với cấp ủy Đảng, cơ quan Nhà nước về các chủ trương phát triển kinh tế, xã hội và các vấn đề có liên quan đến việc làm, đời sống của CNVCLĐ.

- Tổ chức phong trào thi đua yêu nước, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

- Vận động đoàn viên, CNVCLĐ tham gia các hoạt động xã hội, hướng dẫn các hình thức, biện pháp chăm lo đời sống, cải thiện điều kiện làm việc, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nếp sống văn hóa, đấu tranh ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước cấp huyện, Công đoàn ngành địa phương, Công đoàn Tổng Công ty để kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động với các cơ sở đóng trên địa bàn.

- Thực hiện công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn, công tác tổ chức, cán bộ theo phân cấp của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh.

* Nhiệm vụ của Công đoàn Khu Công nghiệp và Công đoàn Tổng Công ty (xem Điều 23, 24 - Điều lệ Công đoàn Việt Nam - NXB Lao Động, Hà Nội năm 2003).

2.2.4. Tổ chức bộ máy của Công đoàn cấp cơ sở

* Công đoàn cơ sở được thành lập ở các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; các đơn vị sự nghiệp, cơ quan Nhà nước; các cơ quan của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp có 5 đoàn viên trở lên và được công đoàn cấp trên quyết định thành lập.

* Nghiệp đoàn là tổ chức cơ sở của Công đoàn, tập hợp những người lao động tự do hợp pháp cùng ngành nghề, được thành lập theo địa bàn hoặc theo đơn vị lao động có từ 10 đoàn viên trở lên và được công đoàn cấp trên quyết định thành lập.

3. Hệ thống tổ chức của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

3.1. Nguyên tắc tổ chức

Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xác định: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của ĐTNCSHCM là "tập trung dân chủ". Cụ thể:

- Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đoàn đều do bầu cử lập ra, thực hiện nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách;

- Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo của Đoàn ở mỗi cấp là Đại hội đại biểu hoặc Đại hội đoàn viên.

Cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ Đại hội là Ban Chấp hành do Đại hội Đoàn cùng cấp bầu ra. Giữa 2 kỳ họp Ban Chấp hành, cơ quan lãnh đạo là Ban Thường vụ do Ban Chấp hành cùng cấp bầu ra;

- Ban Chấp hành Đoàn các cấp có trách nhiệm báo cáo về hoạt động của mình với Đại hội hoặc hội nghị đại biểu cùng cấp, với Ban Chấp hành Đoàn cấp trên, với cấp ủy đảng cùng cấp và thông báo cho Ban Chấp hành Đoàn cấp dưới;

- Nghị quyết của Đoàn phải được chấp hành nghiêm chỉnh, cấp dưới phục tùng cấp trên; thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức;

- Trước khi quyết định các công việc và biểu quyết nghị quyết của Đoàn, các thành viên đều được cung cấp thông tin và phát biểu ý kiến của mình, ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu báo cáo lên Đoàn cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết hiện hành.

3.2. Hệ thống tổ chức

Hệ thống tổ chức của Đoàn gồm 4 cấp: Trung ương Đoàn; tỉnh, thành Đoàn trực thuộc Trung ương; Huyện, quận, thị, thành đoàn trực thuộc tỉnh (và tương đương); tổ chức Đoàn cơ sở.

3.2.1. Tổ chức bộ máy của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp Trung ương

* *Đại hội đại biểu toàn quốc*: là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn, được triệu tập thường lệ 5 năm một lần. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn; quyết định phương hướng, nhiệm vụ công tác của Đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đoàn.

* *Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*: là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc. Ban Chấp hành Trung ương Đoàn có nhiệm vụ:

- Bầu Ban Thường vụ, bí thư thứ nhất, các bí thư; bầu UBKT Trung ương Đoàn, chủ nhiệm, các phó chủ nhiệm UBKT Trung ương Đoàn; lập Hội đồng đội Trung ương;

Quyết định cho rút tên khỏi danh sách Ban Chấp hành và các chức danh do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn bầu ra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Bí thư Trung ương Đoàn và ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đoàn;

- Quyết định qui chế làm việc và chương trình hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn;

- Quyết định những chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ công tác lớn và các chương trình công tác nhằm cụ thể hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; thực hiện nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc;

Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi hàng năm;

- Xem xét các báo cáo định kỳ hàng năm và chuyên đề về hoạt động của Đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi, hoạt động của Ban Thường vụ, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đoàn. Xem xét, giải quyết khiếu nại, kỷ luật đối với ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn;

- Quyết định triệu tập Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc; chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội và giới thiệu nhân sự tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đoàn.

* *Ban Thường vụ Trung ương Đoàn*: thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đoàn lãnh đạo các cấp bộ Đoàn thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn. Ban Thường vụ Trung ương Đoàn có nhiệm vụ:

- Quyết định các chủ trương cụ thể nhằm triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội Đoàn toàn quốc và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn. Nghiên cứu đề xuất với Đảng và Nhà nước những vấn đề về công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi;

- Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn; quyết định qui chế làm việc của UBKT Trung ương Đoàn, Hội đồng Đội Trung ương và qui chế thi đua khen thưởng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

- Quyết định việc thành lập, giải thể các tổ chức Đoàn trực thuộc Trung ương, các cơ quan giúp việc Ban Chấp hành Trung ương Đoàn; hướng dẫn về tổ chức bộ máy các cơ quan tỉnh, thành đoàn và đoàn trực thuộc Trung ương Đoàn;

- Quyết định phân công công tác của các Bí thư Trung ương Đoàn, ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn; đề bạt kỷ luật, đình chỉ công tác, điều động, luân chuyển cán bộ là trưởng ban các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương Đoàn; phối hợp với cấp ủy Đảng về nhân sự là Bí thư tỉnh, thành Đoàn và Đoàn trực thuộc Trung ương Đoàn theo phân cấp quản lý cán bộ của Đảng; giới thiệu nhân sự đại diện cho Đoàn và Hội thanh niên ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Quốc hội và các đoàn thể khác;

- Chỉ đạo chuẩn bị dự thảo văn kiện và đề án nhân sự Đại hội Đoàn toàn quốc để trình Ban Chấp hành Trung ương Đoàn. Quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đoàn.

* *Ban Bí thư Trung ương Đoàn*: là cơ quan thường trực của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn, thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đoàn điều hành công việc của Đoàn giữa 2 kỳ họp Ban Thường vụ. Ban Bí thư Trung ương Đoàn có nhiệm vụ:

- Chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chương trình công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn; ban hành các văn bản nhằm quán triệt, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị.

- Thay mặt Ban Thường vụ trong mối quan hệ với Trung ương Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể, các tổ chức xã hội và quan hệ quốc tế của Đoàn. Phối hợp với các bộ, ban, ngành, đảng ủy ở Trung ương giải quyết những vấn đề có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của tuổi trẻ và chính sách đối với cán bộ Đoàn, tạo cơ chế hoạt động Đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi;

- Tổ chức công tác thông tin trong hệ thống phục vụ việc chỉ đạo công tác Đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi. Tổ chức công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn công tác Đoàn; công tác qui hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách, chủ chốt của cơ quan Trung ương Đoàn;

- Điều hành hoạt động của bộ máy tham mưu, giúp việc ở cơ quan Trung ương Đoàn để đảm bảo yêu cầu hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Ban Bí thư Trung ương Đoàn;

- Quyết định công nhận, cho rút tên và bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ủy ban Kiểm tra các tỉnh, thành Đoàn và các Đoàn trực thuộc Trung ương. Quyết định đề bạt, đình chỉ công tác, miễn nhiệm, kỷ luật, điều động, luân chuyển cán bộ là Phó trưởng ban các đơn vị thuộc cơ quan Trung ương Đoàn; phối hợp với các cấp ủy Đảng về công tác nhân sự đối với chức danh phó bí thư tỉnh, thành Đoàn và Đoàn trực thuộc Trung ương; quyết định việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ quan Trung ương Đoàn;

- Quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung cuộc họp Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

** Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đoàn*

- Khối phong trào có: Ban phong trào thanh niên; Ban Thanh niên Nông thôn; Ban Thanh niên công nhân và đô thị; Ban Thanh niên trường học; Ban Thanh niên xung phong và lao động trẻ; Ban Mặt trận Thanh niên; Ban công tác thiếu nhi; Ban Tư tưởng Văn hóa; Ban Tổ chức; Ban Kiểm tra; Ban Quốc tế; Trung tâm giáo dục dân số - sức khỏe và môi trường.

- Khối các đơn vị chức năng có: Văn phòng; Vụ Kế hoạch - tài chính; Vụ Tổ chức - cán bộ; Vụ Kinh tế.

- Khối các cơ quan nghiên cứu, đào tạo có: Học viện Thanh thiếu niên; Trung tâm Khoa học và công nghệ Thanh niên.

- Khối các cơ quan báo chí có: Báo Tiền phong; Báo Thanh niên; Báo Thiếu niên tiền phong; Báo Nhi đồng; Báo Sinh viên; Báo Hoa học trò; Tạp chí Thanh niên; Tạp chí Thời trang trẻ; Tạp chí Tuổi xanh; Tạp chí Thông tin Khoa học Thanh niên; Tạp chí Tuổi trẻ hạnh phúc; Tạp chí Người phụ trách; Trung tâm truyền hình Thanh niên; Ban phát thanh thanh thiếu nhi; Nhà xuất bản Thanh niên; Nhà xuất bản Kim Đồng.

- Khối các cơ quan doanh nghiệp có: Trung tâm văn hóa giáo dục tổng hợp Thanh niên; Trung tâm dạy nghề và dịch vụ việc làm Thanh niên; Trung tâm dạy nghề và dịch vụ việc làm Thanh niên Sông Hồng; Trung tâm Thanh

thiếu niên Miền Trung; Trung tâm Thanh thiếu niên Miền Nam; Trung tâm hỗ trợ và phát triển Thanh niên nông thôn; Trung tâm Công nghệ nhân giống cây ăn quả; Ban Quản lý công trình 62; Trung tâm Du lịch Thanh niên Việt nam; Trung tâm Thương mại và du lịch Việt nam; Công ty sản xuất xuất nhập khẩu thanh niên (VYPEXCO); Công ty xuất nhập khẩu tổng hợp Thanh niên (INCOMEX - SG); Công ty phát triển kinh tế kỹ thuật Thanh niên Việt Nam (DETECOX - VN); Công ty đầu tư thương mại Vạn Xuân; Xí nghiệp in trẻ.

3.2.2. Tổ chức bộ máy của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp tỉnh

* *Đại hội đại biểu Đoàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*: là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn ở cấp tỉnh, được triệu tập thường lệ 5 năm một lần. Nhiệm vụ của Đại hội là góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện Đại hội Đoàn toàn quốc; thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên tỉnh trình Đại hội; quyết định phương hướng, nhiệm vụ công tác của Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi ở tỉnh; bầu Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh nhiệm kỳ mới và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đoàn toàn quốc.

* *Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh*: là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ Đại hội Đoàn tỉnh; có nhiệm vụ lãnh đạo công tác đoàn, Hội, Đội ở tỉnh; tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội Đoàn tỉnh và chỉ đạo các huyện, quận, thị đoàn thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh; định kỳ báo cáo về tình hình hoạt động của tỉnh Đoàn với Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh mà trực tiếp là Ban Thường vụ tỉnh ủy; thông báo tình hình hoạt động cho các huyện, quận, thị đoàn; phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể và các tổ chức kinh tế - xã hội cấp tỉnh để giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác Đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi.

* *Ban Thường vụ tỉnh Đoàn*: gồm Bí thư, các Phó Bí thư và các ủy viên thường vụ; Ban Thường vụ thay mặt Ban Chấp hành tỉnh, thành Đoàn lãnh đạo mọi mặt công tác giữa 2 kỳ hội nghị Ban Chấp hành tỉnh Đoàn.

* *Thường trực tỉnh đoàn* (gồm Bí thư và các Phó Bí thư) có nhiệm vụ lãnh đạo các công việc hàng ngày của Đoàn ở cấp tỉnh.

* **Cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh, thành Đoàn gồm: Văn phòng, ban tổ chức - kiểm tra, ban tư tưởng văn hóa, ban thanh thiếu nhi, ban trường học, ban phong trào, ban mặt trận..**

3.2.3. Tổ chức bộ máy của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp huyện

* *Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện*: là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn ở cấp huyện, được triệu tập thường lệ 5 năm một lần. Nhiệm vụ của Đại hội là góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện Đại hội Đoàn toàn quốc và Đại hội Đoàn tỉnh; thảo luận và biểu quyết thông

qua các báo cáo của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên huyện trình Đại hội; quyết định phương hướng, nhiệm vụ công tác của Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi ở huyện; bầu Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện nhiệm kỳ mới và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đoàn tỉnh.

* *Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện*: là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ Đại hội Đoàn huyện; có nhiệm vụ lãnh đạo công tác đoàn, Hội, Đội ở huyện; tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội Đoàn huyện và chỉ đạo các đoàn cơ sở thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện; định kỳ báo cáo về tình hình hoạt động của Huyện Đoàn với Ban Chấp hành đảng bộ huyện mà trực tiếp là Ban Thường vụ huyện ủy; thông báo tình hình hoạt động cho các đoàn cơ sở; phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể và các tổ chức kinh tế - xã hội cấp huyện để giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác Đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi.

* *Ban Thường vụ Huyện Đoàn*: do Ban Chấp hành Đoàn huyện bầu ra; là cơ quan lãnh đạo mọi mặt công tác của Đoàn giữa 2 kỳ họp Ban Chấp hành.

* *Thường trực Huyện đoàn* (gồm Bí thư và các Phó Bí thư) có nhiệm vụ lãnh đạo các công việc hàng ngày của Đoàn ở cấp huyện.

3.2.4. Tổ chức Đoàn cơ sở

Tổ chức cơ sở Đoàn gồm Đoàn cơ sở và chi đoàn cơ sở. Ở những cơ sở có nhiều đoàn viên có thể tổ chức Đoàn bộ phận, liên chi đoàn và chi đoàn trong Đoàn cơ sở. Tổ chức cơ sở Đoàn là nền tảng của Đoàn được thành lập theo địa bàn dân cư, theo ngành nghề, theo đơn vị học tập, công tác và đơn vị cơ sở trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Tổ chức cơ sở Đoàn được thành lập trong doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Chi đoàn, đoàn cơ sở có thể trực thuộc huyện đoàn; tỉnh đoàn hoặc đoàn khối, đoàn ngành tùy thuộc vào tính đặc thù của từng đơn vị theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn.

Chi đoàn là tổ chức tế bào của Đoàn. Đơn vị có ít nhất 3 đoàn viên trở lên được thành lập chi đoàn. Nếu chưa đủ 3 đoàn viên thì đoàn cấp trên giới thiệu đến sinh hoạt tại một cơ sở đoàn thích hợp.

Đoàn cơ sở là cấp trên trực tiếp của chi đoàn. Đơn vị có từ 2 chi đoàn trở lên và có ít nhất 30 đoàn viên có thể thành lập đoàn cơ sở. Trong các đội thanh niên xung phong, thanh niên xung kích, các đội hình lao động trẻ hoạt động ngắn hạn được tổ chức đoàn lâm thời.

4. Hệ thống tổ chức của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

4.1. Nguyên tắc tổ chức

Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, liên hiệp, thống nhất hành động. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội đều do bầu cử lập ra, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách.

4.2. Hệ thống tổ chức

Hệ thống tổ chức Hội gồm 4 cấp: Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; huyện, quận, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn và tương đương (gọi là cấp cơ sở).

4.2.1. Tổ chức bộ máy của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cấp Trung ương

* *Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc*: là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Liên hiệp phụ nữ ở cấp Trung ương. Đại hội được tổ chức thường lệ 5 năm một lần, trong trường hợp cần thiết có thể tổ chức Đại hội sớm hơn hoặc muộn hơn nhưng không quá một năm.

Đại hội có nhiệm vụ đánh giá phong trào phụ nữ và hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ vừa qua, quyết định phương hướng, nhiệm vụ công tác của Hội trong nhiệm kỳ tới; thông qua Điều lệ Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam; quyết định số lượng ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội, hình thức bầu cử và bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội; biểu dương, khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào phụ nữ và hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

* *Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam*: là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc. Ban Chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc và Điều lệ Hội. Đánh giá, tổng kết phong trào phụ nữ theo định kỳ.

- Tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách của Nhà nước có liên quan đến quyền lợi, đời sống phụ nữ.

- Đại diện tổ chức Hội phụ nữ trong các hoạt động với các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trong nước và quốc tế.

- Quyết định số lượng ủy viên Đoàn Chủ tịch, các phó chủ tịch; bầu Đoàn Chủ tịch, bầu chủ tịch và các phó chủ tịch trong số ủy viên Đoàn Chủ tịch.

* *Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam*: là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương Hội. Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ: thay mặt Ban Chấp hành lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc, nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Hội giữa 2 kỳ hội nghị Ban Chấp hành; chuẩn bị nội dung và triệu tập các kỳ hội nghị Ban Chấp hành, quyết định các vấn đề về tổ chức, cán bộ.

* *Thường trực Đoàn Chủ tịch* gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Nhiệm vụ của Thường trực Đoàn Chủ tịch là thay mặt Đoàn Chủ tịch điều hành công việc giữa 2 kỳ họp Đoàn Chủ tịch; xử lý các công việc hàng ngày, chuẩn bị các vấn đề trình Đoàn Chủ tịch quyết định; quản lý cơ quan chuyên trách Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

* *Cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam*

- Cơ quan chuyên trách giúp việc gồm: Văn phòng Trung ương Hội; Ban Tổ chức, cán bộ; Ban Quan hệ Quốc tế; Ban Tuyên giáo; Ban Gia đình - Xã hội; ban Nghiên cứu phụ vận; Ban Tôn giáo Dân tộc; Văn phòng Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam; Quỹ tình thương.

- Cơ quan sự nghiệp và doanh nghiệp gồm: Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam; Trường cán bộ Phụ nữ Trung ương; Báo Phụ nữ Việt Nam; Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam; Công ty du lịch Hoà Bình; Trung tâm đón tiếp và điều dưỡng cán bộ Hội; Trung tâm Phụ nữ phát triển.

4.2.2. *Tổ chức bộ máy của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cấp tỉnh*

* *Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh*: là cơ quan lãnh đạo cao nhất của phụ nữ ở cấp tỉnh. Đại hội do Ban Chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh triệu tập thường lệ 5 năm 1 lần.

Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh có nhiệm vụ: đánh giá phong trào phụ nữ và hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ vừa qua, quyết định phương hướng, nhiệm vụ công tác của Hội trong nhiệm kỳ tới; góp ý kiến vào dự thảo văn kiện của Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc; quyết định số lượng uỷ viên Ban Chấp hành, hình thức bầu cử; bầu Ban Chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh và bầu đại biểu đi dự Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc; biểu dương, khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào phụ nữ và hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh.

* *Ban Chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh*: là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh có nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện Điều lệ Hội và nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc và Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh. Đánh giá tổng kết phong trào phụ nữ tỉnh theo định kỳ.

- Tham gia xây dựng, giám sát và đề xuất việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ.

- Bầu Ban Thường vụ Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; bầu Chủ tịch và các Phó Chủ tịch trong số uỷ viên Ban Thường vụ.

- Lãnh đạo công tác kiểm tra; tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tổ chức Hội và cán bộ, hội viên: kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, nghị quyết và các quy định của tổ chức Hội các cấp. Giải

quyết các khiếu nại, tố cáo trong phạm vi thẩm quyền giải quyết của tổ chức Hội phụ nữ. Kiểm tra việc thực hiện, quản lý tài chính của các cấp Hội phụ nữ.

* *Ban Thường vụ Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh*: là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ họp Ban Chấp hành; có nhiệm vụ lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành; chuẩn bị nội dung và triệu tập các kỳ họp Ban Chấp hành.

* *Ban Thường trực Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh* (gồm Chủ tịch và các Phó chủ tịch) có nhiệm vụ điều hành công việc giữa 2 kỳ họp Ban Thường vụ, thay mặt Ban Thường vụ xử lý các công việc hàng ngày và chuẩn bị các vấn đề trình Ban Thường vụ quyết định, quản lý cơ quan Hội.

* *Các ban chuyên trách giúp việc Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh* gồm: Văn phòng; Ban Tổ chức; Ban Tuyên giáo; Ban Gia đình - xã hội.

4.2.3. Tổ chức bộ máy của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cấp huyện

* *Đại hội đại biểu phụ nữ huyện*: là cơ quan lãnh đạo cao nhất của phụ nữ cấp huyện, họp thường lệ 5 năm 1 lần.

Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp phụ nữ huyện có nhiệm vụ: đánh giá phong trào phụ nữ và hoạt động của huyện Hội nhiệm kỳ vừa qua, quyết định phương hướng, nhiệm vụ công tác của huyện Hội nhiệm kỳ tới; góp ý kiến vào dự thảo văn kiện của Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc và Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh; quyết định số lượng uỷ viên Ban Chấp hành, hình thức bầu cử; bầu Ban Chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ huyện và bầu đại biểu đi dự Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh; biểu dương, khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào phụ nữ và hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ huyện.

* *Ban Chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ huyện*: là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ huyện có nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện Điều lệ Hội và nghị quyết Đại hội phụ nữ cấp trên và Đại hội phụ nữ cấp mình. Đánh giá tổng kết phong trào phụ nữ huyện theo định kỳ.

- Tham gia xây dựng, giám sát và đề xuất việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ.

- Bầu Ban Thường vụ Hội Liên hiệp phụ nữ huyện; bầu Chủ tịch và các Phó Chủ tịch trong số uỷ viên Ban Thường vụ.

- Lãnh đạo công tác kiểm tra; tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tổ chức Hội và cán bộ, hội viên: kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, nghị quyết và các quy định của tổ chức Hội các cấp. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong phạm vi thẩm quyền giải quyết của tổ chức Hội phụ nữ. Kiểm tra việc thực hiện, quản lý tài chính của các cấp Hội phụ nữ.

* *Ban Thường vụ Hội Liên hiệp phụ nữ huyện*: là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ họp Ban Chấp hành; có nhiệm vụ lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành; chuẩn bị nội dung và triệu tập các kỳ họp Ban Chấp hành.

* *Ban Thường trực Hội Liên hiệp phụ nữ huyện* (gồm Chủ tịch và các Phó chủ tịch) có nhiệm vụ điều hành công việc giữa 2 kỳ họp Ban Thường vụ, thay mặt Ban Thường vụ xử lý các công việc hàng ngày và chuẩn bị các vấn đề trình Ban Thường vụ quyết định, quản lý cơ quan Hội.

4.2.4. *Tổ chức bộ máy Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cấp cơ sở*

Hội phụ nữ cơ sở là nền tảng của tổ chức Hội được thành lập ở các xã, phường, thị trấn có đông nữ. Hội có thể lập các chi Hội theo thôn, ấp, khu phố, cụm dân cư; dưới chi hội là tổ phụ nữ được thành lập theo địa bàn dân cư (xóm, đường phố, bản, làng), theo nghề nghiệp, lứa tuổi, theo chuyên đề.

5. Hệ thống tổ chức của Hội Nông dân Việt Nam

5.1. Nguyên tắc tổ chức

Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam qui định: Hội Nông dân Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Khi biểu quyết thì thiểu số phục tùng đa số; khi thi hành thì cấp dưới phục tùng cấp trên. Các cấp hội thực hiện nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Cơ quan lãnh đạo của Hội và đại biểu dự Đại hội các cấp được bầu cử trực tiếp, dân chủ bằng phiếu kín.

5.2. Hệ thống tổ chức

Hệ thống tổ chức của Hội gồm 4 cấp: Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; huyện, quận, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn và đơn vị tương đương.

5.2.1. Tổ chức bộ máy của Hội Nông dân cấp Trung ương

* *Đại hội đại biểu nông dân toàn quốc*: là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Nông dân Việt Nam. Đại hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội triệu tập thường lệ 5 năm một lần. Trường hợp đặc biệt, có thể triệu tập sớm hơn hoặc muộn hơn nhưng không quá một năm.

Nhiệm vụ của Đại hội: thảo luận và thông qua báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Hội nhiệm kỳ vừa qua; quyết định phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội khoá tới; sửa đổi, bổ sung và thông qua Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam.

* *Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam*: do Đại hội đại biểu Nông dân toàn quốc bầu ra. Ban Chấp hành Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ Đại hội đại biểu Nông dân toàn quốc, có nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam, Nghị quyết Đại hội và các nghị quyết của Trung ương Hội; nghiên cứu, thi hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Xây dựng tổ chức Trung ương Hội và các cấp Hội; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội; xây dựng tài chính Hội; phối hợp với chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể tổ chức hướng dẫn hội viên nông dân thi đua thực hiện các phong trào phát triển kinh tế, xã hội; thực hiện các chương trình, mục tiêu quốc gia; xây dựng nông thôn mới, gia đình nông dân văn hóa, thôn, ấp, bản, làng văn hóa.

- Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ và các nghị quyết, chỉ thị của Hội. Định kỳ sơ kết, tổng kết và báo cáo công tác với Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Hướng dẫn các tỉnh, thành Hội tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở; giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất, tham gia xây dựng các chính sách, pháp luật có liên quan đến nông dân, nông nghiệp và nông thôn.

- Tăng cường công tác đối ngoại theo đường lối, quan điểm của Đảng, Nhà nước. Không ngừng mở rộng các quan hệ hữu nghị, hợp tác cùng phát triển với các tổ chức nông dân, tổ chức quốc tế, nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới. Tích cực ủng hộ và góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

- Chuẩn bị nội dung và tổ chức Đại hội đại biểu Nông dân toàn quốc.

- Bầu Ban Thường vụ Trung ương Hội và bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch trong số ủy viên Ban Thường vụ.

* *Ban Thường vụ Trung ương Hội*: là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ họp Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Trung ương Hội có nhiệm vụ:

- Cụ thể hóa nghị quyết Đại hội, Ban Chấp hành và các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Chính phủ thành chương trình hành động của Hội, đồng thời chỉ đạo Ban Chấp hành Hội cấp dưới thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ của Ban Chấp hành Trung ương Hội đề ra.

- Ra các thông tri, chỉ thị, nghị quyết chuyên đề để thực hiện nhiệm vụ do Ban Chấp hành Trung ương Hội đề ra.

- Quyết định các vấn đề về tổ chức bộ máy và đề bạt cán bộ thuộc phạm vi, quyền hạn của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

- Tổ chức hoạt động kinh tế trên cơ sở pháp luật qui định để tăng thêm nguồn kinh phí hoạt động của Hội.

- Chuẩn bị nội dung và tổ chức các cuộc họp thường kỳ và bất thường của Ban Chấp hành Trung ương Hội. Chuẩn bị nhân sự, nội dung cho Ban Chấp hành Trung ương Hội trình Đại hội đại biểu toàn quốc khi hết nhiệm kỳ.

- Thường xuyên đề xuất, báo cáo với Trung ương Đảng, Chính phủ và quan hệ với các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và các cấp ủy Đảng địa phương thực hiện tốt những nhiệm vụ của Hội.

- Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra nhằm phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức và hoạt động của Hội.

* *Thường trực Trung ương Hội* (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch) có nhiệm vụ điều hành các công việc hàng ngày của Hội.

* *Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Hội*

- Các ban tham mưu giúp việc có: Văn phòng, Phòng Kế toán tài vụ; Ban Tổ chức; Ban Kiểm tra; Ban Kinh tế; Ban Xã hội và Môi trường; Ban Điều hành quỹ hỗ trợ nông dân; ban Nghiên cứu chính sách; Ban Dân tộc Miền núi; Ban tư tưởng Văn hóa; Ban Quốc tế; Ban Phát thanh truyền hình; Trung tâm Dân số và phát triển; Trung tâm đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

- Các cơ quan sự nghiệp có Báo Nông thôn ngày nay; Tạp chí Nông thôn mới.

5.2.2. *Tổ chức bộ máy của Hội Nông dân cấp tỉnh*

* *Đại hội biểu Hội nông dân tỉnh*: là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Nông dân ở tỉnh, do Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh triệu tập thường lệ 5 năm một lần.

Đại hội đại biểu Hội nông dân tỉnh có nhiệm vụ: thảo luận và thông qua báo cáo của Ban Chấp hành nhiệm kỳ qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ mới; đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc; bầu Ban Chấp hành khóa mới và bầu đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc.

* *Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh*: do Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh bầu và Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam chuẩn y, là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh có nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện Điều lệ của Hội Nông dân Việt Nam; quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, các chủ trương, chính sách của Đảng, và pháp luật của Nhà nước, Trung ương Hội, tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh và Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội nông dân tỉnh.

- Xây dựng Hội các cấp, nhất là tổ chức Hội ở cơ sở thật sự vững mạnh, là lực lượng trung tâm, nòng cốt trong phong trào cách mạng ở nông thôn; quản lý, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội; xem xét, giải quyết khiếu nại, kỷ luật đối với Ủy viên Ban Chấp hành và cán bộ thuộc diện quản lý; xây dựng tài chính Hội; phối hợp với chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ở tỉnh tổ chức hướng dẫn hội viên nông dân thi đua thực hiện các phong trào phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; xây dựng nông thôn mới, gia đình nông dân văn hóa, thôn ấp, bản, làng văn hóa.

- Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ và các Nghị quyết, chỉ thị của Hội. Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả công tác Hội và phong trào nông dân tỉnh với tỉnh ủy và Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

- Hướng dẫn Hội Nông dân huyện, quận, thị trực thuộc tỉnh tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở; giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất và tham gia xây dựng chính sách, pháp luật có liên quan đến nông dân, nông nghiệp và nông thôn.

- Tăng cường công tác đối ngoại theo đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước. Không ngừng mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác cùng phát triển với các tổ chức nông dân, tổ chức quốc tế, nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới. Tích cực ủng hộ và góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

- Chuẩn bị nội dung Đại hội đại biểu Hội nông dân tỉnh.

* *Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh*: là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ họp ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh; có nhiệm vụ:

- Chỉ đạo mọi hoạt động của Hội Nông dân tỉnh theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh, nghị quyết của Ban Chấp hành và các chủ trương của Đảng, Nhà nước, Trung ương Hội, tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh nhất là các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương có liên quan đến nông dân, nông nghiệp, nông thôn.

- Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương của Đảng, Nhà nước, Trung ương Hội, tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, và nghị quyết, chương trình công tác của Ban Chấp hành hội nông dân tỉnh đã đề ra.

- Cùng với Đảng đoàn và thủ trưởng cơ quan Hội Nông dân tỉnh lập kế hoạch về xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ Hội. Quyết định phân công công tác, đề bạt, tạm đình chỉ, miễn nhiệm, kỷ luật và luân chuyển công tác đối với cán bộ thuộc diện tỉnh Hội quản lý. Giới thiệu nhân sự đại diện của Hội Nông dân tỉnh tham gia vào các tổ chức, đoàn thể của tỉnh.

- Lập kế hoạch ngân sách hàng năm của Hội Nông dân tỉnh và các nguồn tài chính hiện hành của Hội.

- Thay mặt Ban Chấp hành quyết định và triển khai những chủ trương, chương trình công tác mang tính đột xuất trong thẩm quyền của Ban Chấp hành sau đó báo cáo với Ban Chấp hành vào kỳ họp gần nhất.

- Định kỳ báo cáo với Trung ương Hội, tỉnh ủy về kết quả công tác Hội và phong trào nông dân tỉnh.

- Quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung hội nghị Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh.

* *Thường trực Hội Nông dân tỉnh* (gồm chủ tịch và các phó chủ tịch).
Nhiệm vụ cụ thể của Thường trực Hội Nông dân tỉnh là:

- Chỉ đạo, điều hành hoạt động hàng ngày của cơ quan Hội Nông dân tỉnh. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, chương trình công tác của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh.

- Quán triệt, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Hội nông dân Việt Nam, tỉnh ủy. Thay mặt Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh giữ mối quan hệ làm việc với Trung ương hội, tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ tỉnh, các sở, ban, ngành đoàn thể, các tổ chức kinh tế, xã hội của tỉnh, các cấp ủy Đảng, chính quyền các huyện, quận, thị và cơ sở.

- Cùng với Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh phân công quản lý cán bộ và thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ trong cơ quan Hội Nông dân tỉnh. Phối hợp với các huyện, quận, thị ủy về công tác nhân sự, cán bộ chủ chốt của các huyện quận, thị hội nông dân.

- Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập hội nghị Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

* *Các ban chuyên trách giúp việc Hội Nông dân tỉnh* có: Văn phòng; Ban Tuyên huấn; Ban Tổ chức-kiểm tra; Ban Kinh tế-xã hội.

5.3. Tổ chức bộ máy Hội Nông dân cấp huyện

* *Đại hội Hội nông dân huyện*: là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Nông dân ở huyện, do Ban Chấp hành Hội Nông dân huyện triệu tập thường lệ 5 năm một lần.

Đại hội Hội nông dân huyện có nhiệm vụ: thảo luận và thông qua báo cáo của Ban Chấp hành Hội nông dân huyện nhiệm kỳ qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ mới; đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện Đại hội nông dân toàn quốc và Đại hội Hội nông dân tỉnh; bầu Ban Chấp hành Hội nông dân huyện khoá mới và bầu đại biểu dự Đại hội Hội nông dân tỉnh.

* *Ban Chấp hành Hội Nông dân huyện*: là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ Đại hội Nông dân huyện; có nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện Điều lệ của Hội Nông dân Việt Nam; quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, các chủ trương, chính sách của Đảng, và pháp luật của Nhà nước, huyện Hội, huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Nhân dân huyện và Nghị quyết Đại hội Hội nông dân huyện.

- Xây dựng Hội các cấp, nhất là tổ chức Hội ở cơ sở thật sự vững mạnh, là lực lượng trung tâm, nòng cốt trong phong trào cách mạng ở nông thôn; quản lý, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội; xem xét, giải quyết khiếu nại, kỷ luật đối với Ủy viên Ban Chấp hành và cán bộ thuộc diện quản lý; xây dựng tài chính Hội; phối hợp với chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ở huyện tổ chức hướng dẫn hội viên nông dân thi đua thực hiện các phong trào

phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; xây dựng nông thôn mới, gia đình nông dân văn hóa, thôn ấp, bản, làng văn hóa.

- Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ và các Nghị quyết, chỉ thị của Hội. Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả công tác Hội và phong trào nông dân huyện với huyện ủy và Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh.

- Hướng dẫn Hội Nông dân cơ sở tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở; giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất và tham gia xây dựng chính sách, pháp luật có liên quan đến nông dân, nông nghiệp và nông thôn.

- Chuẩn bị nội dung Đại hội Hội nông dân huyện.

* *Ban Thường vụ Hội Nông dân huyện* là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ họp Ban Chấp hành Hội Nông dân huyện; có nhiệm vụ:

- Chỉ đạo mọi hoạt động của Hội Nông dân huyện theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân huyện, nghị quyết của Ban Chấp hành và các chủ trương của Đảng, Nhà nước, tỉnh Hội, huyện ủy, HĐND, UBND huyện nhất là các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương có liên quan đến nông dân, nông nghiệp, nông thôn.

- Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương của Đảng, Nhà nước, Hội, huyện ủy, HĐND, UBND huyện, và nghị quyết, chương trình công tác của Ban Chấp hành hội nông dân huyện đã đề ra.

- Xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ Hội. Quyết định phân công công tác, đề bạt, tạm đình chỉ, miễn nhiệm, kỷ luật và luân chuyển công tác đối với cán bộ thuộc diện huyện Hội quản lý. Giới thiệu nhân sự đại diện của Hội Nông dân huyện tham gia vào các tổ chức, đoàn thể của huyện.

- Lập kế hoạch ngân sách hàng năm của Hội Nông dân huyện và các nguồn tài chính hiện hành của Hội.

- Thay mặt Ban Chấp hành quyết định và triển khai những chủ trương, chương trình công tác mang tính đột xuất trong thẩm quyền của Ban Chấp hành sau đó báo cáo với Ban Chấp hành vào kỳ họp gần nhất.

- Định kỳ báo cáo với Hội nông dân tỉnh, huyện ủy về kết quả công tác Hội và phong trào nông dân huyện.

- Quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung hội nghị Ban Chấp hành Hội Nông dân huyện.

* *Thường trực Hội Nông dân huyện* (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch) có nhiệm vụ chỉ đạo mọi công việc hàng ngày của Hội ở cấp huyện.

5.2.4. Tổ chức bộ máy của Hội Nông dân cấp cơ sở

Tổ chức cơ sở Hội là nền tảng của Hội, là nơi trực tiếp với hội viên, nông dân. Tổ chức cơ sở Hội theo đơn vị xã, phường, thị trấn (có nông dân). Những đơn

vị kinh tế nông lâm trường nếu có nhu cầu thành lập Hội và được Hội cấp trên đồng ý thì thành lập cơ sở Hội. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cơ sở Hội sinh hoạt mỗi tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường.

Chi hội được tổ chức theo thôn, ấp, bản, làng, khu phố, hợp tác xã và theo nghề nghiệp qui mô tương đương thôn, ấp. Nếu chi hội có đông hội viên hoặc do địa bàn ngăn cách thì chia thành nhiều tổ hội.

Đại hội hội viên hoặc đại biểu hội viên (nơi có đông hội viên bầu ra Ban Chấp hành chi hội. Ban Chấp hành chi hội bầu ra chi hội trưởng, chi hội phó. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành chi hội là 2,5 năm.

6. Hệ thống tổ chức Hội Cựu Chiến binh Việt nam

6.1. Nguyên tắc tổ chức

Hội Cựu Chiến binh Việt nam được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Ban Chấp hành hội các cấp do dân chủ bầu ra bằng cách bỏ phiếu kín và làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; trường hợp đặc biệt do cấp trên chỉ định, thời gian hoạt động của Ban Chấp hành được chỉ định không quá một năm.

Số lượng ủy viên Ban Chấp hành cấp nào do Đại hội cấp đó quyết định theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Hội. Ban Chấp hành khóa mới nhận sự bàn giao từ Ban Chấp hành khóa trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu; được công nhận chính thức khi có quyết định công nhận của Ban Chấp hành cấp trên trực tiếp.

Việc bổ sung ủy viên Ban Chấp hành thiếu do Ban Chấp hành đề nghị, Ban Chấp hành Hội cấp trên quyết định; số lượng ủy viên Ban Chấp hành sau khi bổ sung không vượt quá tổng số ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Khi cần thiết, Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp chỉ định tăng thêm một số ủy viên Ban Chấp hành cấp dưới.

6.2. Hệ thống tổ chức

Hệ thống tổ chức của Hội có 4 cấp: Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; quận, huyện, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh và cấp cơ sở.

Ở những cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp được thành lập tổ chức Hội theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

Hội Cựu Chiến binh mỗi cấp đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Việt Nam cùng cấp, sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Hội cấp trên, phối hợp chặt chẽ với cơ quan chính quyền, quân đội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân cấp đó và liên hệ mật thiết với nhân dân.

Hội được tổ chức dựa theo hệ thống tổ chức của Đảng, tổ chức Đảng của đơn vị trực thuộc cấp ủy nào thì tổ chức Hội của đơn vị cũng trực thuộc tổ chức Hội cấp tương ứng.

6.2.1. Tổ chức bộ máy của Hội Cựu Chiến binh cấp Trung ương

* *Đại hội đại biểu toàn quốc*: là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, được tổ chức thường lệ 5 năm/lần.

Đại hội có nhiệm vụ: đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của nhiệm kỳ vừa qua, quyết định phương hướng nhiệm vụ, chương trình công tác nhiệm kỳ tới, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội và bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội.

* *Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu Chiến binh Việt Nam*: do Đại hội đại biểu Cựu Chiến binh toàn quốc bầu ra và là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội, xây dựng và định hướng nội dung hoạt động, chỉ đạo các chương trình, kế hoạch hoạt động về các mặt công tác của Hội. Ban Chấp hành Trung ương Hội đại diện cho Hội quan hệ với các cơ quan Nhà nước, với các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương, với các tổ chức xã hội trong và ngoài nước.

* *Ban Thường vụ Trung ương Hội*: là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ họp Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Trung ương Hội có nhiệm vụ:

- Chỉ đạo mọi hoạt động của Hội giữa 2 kỳ họp Ban Chấp hành. Chỉ đạo các cấp Hội thực hiện các nghị quyết của hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Hội lần trước và chuẩn bị nội dung cho hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Hội lần sau. Xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án ngắn hạn và dài hạn của Hội.

- Tiếp thu các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các chủ trương, chính sách của Nhà nước, các chương trình công tác phối hợp với Mặt trận, quán triệt vận dụng vào xây dựng các chương trình, kế hoạch, biện pháp công tác của Hội trong từng thời gian.

Nghiên cứu, đề xuất với Đảng và Nhà nước những vấn đề công tác Cựu Chiến binh, về xây dựng tổ chức, nhiệm vụ công tác của Hội trong từng thời gian và những nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh mà Đảng, Nhà nước yêu cầu. Tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước theo qui định của pháp luật.

- Quyết định thời gian, chuẩn bị nội dung và tổ chức tiên hành các cuộc họp thường lệ và bất thường của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

- Chuẩn bị kế hoạch, nội dung và tổ chức tiên hành Đại hội các cấp, tiến tới đại hội đại biểu toàn quốc nhiệm kỳ mới của Hội và chỉ đạo, theo dõi việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội trong toàn Hội.

- Phối hợp với các cấp ủy, các cơ quan của đảng bộ địa phương thực hiện công tác cán bộ Hội: tạo nguồn, bồi dưỡng, sắp xếp, bổ nhiệm cán bộ đảm bảo

yêu cầu nhiệm vụ công tác Hội trước mắt và lâu dài với các đối tượng chủ yếu là ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội, cán bộ chủ trì các tỉnh, thành Hội.

- Thông qua qui chế làm việc và kế hoạch công tác kiểm tra hàng năm của Ban Kiểm tra Trung ương Hội.

- Xây dựng và giữ vững các mối quan hệ công tác thường xuyên của Trung ương Hội với các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và địa phương trong cả nước.

Tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại nhân dân của Hội theo sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.

* *Thường trực Trung ương Hội* (gồm Chủ tịch, các phó chủ tịch và Tổng Thư ký). Thường trực Trung ương Hội có nhiệm vụ điều hành các công việc hàng ngày của Hội.

* *Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu Chiến binh Việt Nam*

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc gồm: Văn phòng, Ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức chính sách, Ban Đối ngoại, Ban Kinh tế - Đời sống, Ban Tài chính

- Các cơ quan sự nghiệp, doanh nghiệp gồm: Văn phòng trợ giúp pháp lý, Báo Cựu Chiến binh, Làng Hữu nghị.

6.2.2. *Tổ chức bộ máy của Hội Cựu Chiến binh cấp tỉnh*

* *Đại hội đại biểu Hội Cựu Chiến binh tỉnh*: là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Cựu Chiến binh ở cấp tỉnh. Đại hội do Ban Chấp hành Hội Cựu Chiến binh tỉnh triệu tập thường lệ 5 năm 1 lần, trong trường hợp cần thiết có thể Đại hội sớm hơn hoặc muộn hơn nhưng không quá 1 năm.

Đại hội có nhiệm vụ: đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ vừa qua, quyết định phương hướng, nhiệm vụ công tác của Hội nhiệm kỳ tới; thảo luận, góp ý kiến vào dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Hội cấp trên; bầu Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh và bầu đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Cựu Chiến binh Việt Nam.

* *Ban Chấp hành Hội Cựu Chiến binh tỉnh*: do Đại hội đại biểu Hội Cựu Chiến binh tỉnh bầu và là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Hội Cựu Chiến binh tỉnh có nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện Điều lệ Hội và nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Cựu Chiến binh toàn quốc và Đại hội đại biểu Hội Cựu Chiến binh tỉnh, nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

- Tham gia xây dựng và cụ thể hóa các Nghị quyết, chương trình, phong trào của Hội, chỉ đạo công tác của địa phương giữa 2 kỳ Đại hội, đại diện cho Hội quan hệ với các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội ở tỉnh.

- Bầu Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội Cựu Chiến binh tỉnh; bầu Chủ tịch và các Phó Chủ tịch, ủy viên thư ký trong số ủy viên Ban Thường vụ.

* *Ban Thường vụ Hội Cựu Chiến binh tỉnh*: là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành. Nhiệm vụ của Ban Thường vụ là:

- Chỉ đạo mọi hoạt động của Hội giữa 2 kỳ họp Ban Chấp hành. Chỉ đạo các huyện, quận, thị hội và cơ sở trực thuộc Hội thực hiện các nghị quyết hội nghị Ban Chấp hành Hội Cựu Chiến binh tỉnh và chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban Chấp hành.

- Tiếp thu các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các chủ trương, chính sách của Nhà nước cấp trên và cùng cấp; các chương trình công tác phối hợp với Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội để vận dụng và đề ra các chương trình, kế hoạch, biện pháp công tác của Hội trong từng thời gian.

Nghiên cứu, đề xuất với Đảng và Nhà nước cấp trên và cùng cấp những vấn đề về công tác cựu chiến binh, về xây dựng tổ chức Hội và tham gia các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương theo yêu cầu.

- Quyết định thời gian, chuẩn bị nội dung, triệu tập các kỳ hội nghị thường kỳ hoặc bất thường của Ban Chấp hành Hội Cựu Chiến binh tỉnh.

- Chuẩn bị nội dung, kế hoạch, dự kiến nhân sự và các bước tiến hành Đại hội nhiệm kỳ ở cơ sở, quận, huyện, thị hội theo nghị quyết và hướng dẫn chỉ đạo của cấp trên.

- Thông qua kế hoạch công tác kiểm tra hàng năm của Ban Kiểm tra Hội Cựu Chiến binh tỉnh.

* *Thường trực Hội Cựu Chiến binh tỉnh* (gồm Chủ tịch và các Phó chủ tịch). Nhiệm vụ của Thường trực Hội là điều hành các công việc hàng ngày của tỉnh hội nông dân.

* *Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban Chấp hành Hội Cựu Chiến binh tỉnh* gồm: Văn phòng, Ban Tổ chức chính sách, Ban Kinh tế - đời sống, Ban Tuyên giáo, Ban Kiểm tra.

6.2.3. Tổ chức bộ máy của Hội Cựu Chiến binh cấp huyện

* *Đại hội đại biểu Hội Cựu Chiến binh huyện*: 5 năm họp một lần. Đại hội có nhiệm vụ: thảo luận văn kiện của Ban Chấp hành Hội cấp trên, đánh giá kết quả Nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu Ban Chấp hành Hội Cựu Chiến binh huyện nhiệm kỳ tới, bầu đại biểu đi dự Đại hội Cựu Chiến binh tỉnh.

* *Ban Chấp hành Hội Cựu Chiến binh huyện*: do Đại hội Hội Cựu Chiến binh huyện bầu; có nhiệm vụ tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và nghị quyết của Đại hội cấp mình, hướng dẫn các tổ chức cơ sở thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, phong trào của Hội, chỉ đạo công tác

Hội ở địa phương giữa 2 kỳ Đại hội, phối hợp với các ngành, đoàn thể, tổ chức - xã hội trong các hoạt động động chính trị ở địa phương.

* *Ban Thường vụ Hội Cựu Chiến binh huyện*: do Ban Chấp hành Hội Cựu Chiến binh huyện bầu; là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ họp Ban Chấp hành, có nhiệm vụ điều hành các công việc thường xuyên của Hội.

* *Thường trực Hội Cựu Chiến binh huyện* (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch) có nhiệm vụ chỉ đạo mọi công việc hàng ngày của Hội ở cấp huyện.

6.2.4. Tổ chức cơ sở Hội

Tổ chức cơ sở Hội là nền tảng của Hội được thành lập ở các xã, phường, thị trấn, các cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp.

Tổ chức cơ sở là nơi thực hiện các nhiệm vụ của Hội, của cơ quan, đơn vị, của địa phương.

* *Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên* ở cơ sở xã, phường, thị trấn 5 năm họp 1 lần; ở các cơ sở khác 5 năm họp 2 lần, có nhiệm vụ: thảo luận văn kiện của Ban Chấp hành cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu Ban Chấp hành, bầu đại biểu đi dự Đại hội Hội Cựu Chiến binh huyện.

* *Ban Chấp hành Hội cơ sở* tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và nghị quyết của Đại hội cấp mình, chỉ đạo công tác ở cơ sở giữa 2 kỳ Đại hội.

Ban Chấp hành Hội cơ sở có từ 9 ủy viên trở lên thì bầu Ban Thường vụ, bầu chủ tịch, phó chủ tịch và ủy viên phụ trách kiểm tra; dưới 9 ủy viên chỉ bầu chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên phụ trách kiểm tra.

* *Những tổ chức cơ sở Hội* đông hội viên hoặc địa bàn quá rộng được thành lập các chi hội và dưới chi hội là phân hội. Chi hội và phân hội bầu ra chi hội trưởng và phân hội trưởng. Nơi có nhiều phân hội thì bầu thêm các chi hội phó.